

# KIM QUANG MINH TỐI THẮNG VƯƠNG KINH SỚ

## QUYỂN 3 (Phần Đầu)

### **Phẩm 3: PHÂN BIỆT TAM THÂN** (Tiếp Theo)

**Văn kinh:** Nay người thiện nam! Tất cả các Đức Phật ở thân thứ nhất đồng sự với các Đức Phật, ở thân thứ hai đồng ý với các Đức Phật, ở thân thứ ba đồng thể với các Đức Phật.

**Tán rằng:** Thứ năm là đồng dị phân biệt môn. Văn chia làm ba phần. Ba Phật khác nhau do đó Hóa Thân hóa độ Nhị thừa và phàm phu Địa tiền phần nhiều khởi dụng sáu thông, thành tựu sự nghiệp hóa độ. Do đó, các luận đều chép: “Chuyển năm thức thành sự trí. Phần nhiều dùng tám tướng hiện bày các sự nghiệp cho nên gọi là Đồng sự”. Ứng thân là giáo hóa cho Bồ-tát Địa thượng khiến được pháp lạc, ý lạc giống nhau nên nói là Đồng ý; lại giống với ý giáo hóa Bồ-tát. Thể sở y của Pháp thân như như thì không khác với các Đức Phật cho nên nói là Đồng Thể. Vì vậy trong Nhiếp luận, chín của ngài Vô Tánh chép: “Pháp thân các Đức Phật nói là có khác nhau, nói là không khác nhau. Nướng vào ý lạc thực hiện công việc không có sự khác nhau, cho nên nói là không khác nhau; vô lượng y thân hiện bày đẳng giác cho nên nói là có khác nhau. Như nói Pháp thân, thọ dụng thân cũng giống như thế. Ý lạc và nghiệp không khác nhau cho nên nói là không khác, không do y chỉ, không có khác nhau nên nói là không khác nhau, không do y chỉ vô khác nhau, vô lượng y chỉ khác nhau chuyển thành. Nên biết rằng Hóa thân như thọ dụng đã nói, tức là Pháp thân do cả ba không khác nhau, thọ dụng, biến hóa chỉ là ý lạc tác nghiệp”. Ý phần này giúp cho biết rõ tâm hóa đồng, dị. Phối hợp ngược lại với ba thân này, văn đó tuy thông suốt mà nay trong kinh này đều y theo sự tăng thắng mà phối hợp riêng ba thân, lý cũng không lỗi. Năm thức khi ở trong nhân vị, sự nghiệp đều

khác nhau; ý thức thứ bảy thường chấp Ngã khiến cho tự tha khác nhau. Nay ở quả vị chứng lý bình đẳng, cho nên năm thức khởi phát Hóa thân đồng sự, thức thứ bảy phát khởi tha thọ dụng đồng ý.

**Vấn kinh:** Nay người thiện nam! Thân Phật thứ nhất này tùy theo ý chúng sinh có nhiều loại cho nên hiện bày loại tướng, do đó nói là nhiều.

**Tán rằng:** Thứ sáu là Nhất đa phân biệt môn. Văn cũng chia làm ba phần, phần trước nói về Thể, phần này nói về Dụng. Vì các chúng sinh thú hưởng khác nhau, ý thú khác nhau, cách nhìn khác nhau nên nói là ý có nhiều. Tùy theo ý có nhiều cho nên hiện bày Hóa thân có nhiều loại tướng, hoặc nói tám tướng, hoặc tùy các thứ mà vì đó hiện bày hình tướng. Ví như hàng Nhị thừa đã đạt được quả Thánh cũng là một phần trong nhiều chúng sinh khác nhau. Sở tri chướng đang còn cho nên nói là tùy theo nơi chốn hóa độ, thuận ý chúng sinh.

**Vấn kinh:** Thân Phật thứ hai vì đệ tử nhất ý cho nên hiện bày một tướng, do đó nói một.

**Tán rằng:** Bồ-tát Địa thượng do Ứng thân hóa độ được gọi là đệ tử. Chứng lý bình đẳng nên gọi là một ý. Hiện bày một tướng là chỉ hiện bày Phật tướng, không hiện ra tướng của sáu loài chúng sinh. Thân Phật hiện bày không phải không có đại tiểu, hơn kém khác nhau, bởi lẽ ở địa vị Thập Địa thấy có hơn kém khác nhau.

**Vấn kinh:** Thân Phật thứ ba vượt hơn tất cả các loại tướng, không hề chấp tướng-cảnh giới, cho nên nói là chẳng phải một, chẳng phải hai.

**Tán rằng:** Bởi vì chân như diệu thể vượt lên trên tất cả các thứ tướng, nghĩa là không đi đến, không xanh vàng đỏ trắng, cùng tất cả các loại tướng. Không hề chấp tướng, cảnh giới là không có cảnh sở duyên của tâm chấp kia. Trong Duy Thức chép: “Viên thành thật thường xa lìa tánh trước, cho nên nói là chẳng phải một, chẳng phải hai. Một, hai giống nhau, trong chân bất dứt đối đãi cho nên chẳng phải một, hai”. Vì vậy, ý này khiến cho rõ thêm nghĩa hiện thân đồng khác.

**Kinh:** Nay người thiện nam! Thân thứ nhất nương vào Ứng thân mà được hiển hiện, thân thứ hai nương vào Pháp thân mà được hiển hiện, Pháp thân là chân thật có, không hề nương vào nơi nào.

**Tán rằng:** Thứ bảy là Hữu y phi y môn. Văn cũng chia làm ba phần. Đây là ý khiến cho biết rõ đầu đuôi khác nhau, nghĩa là Biến hóa thân từ Ứng thân mà khởi, Ứng thân nương vào Như mà khởi, đồng thời tha thọ dụng từ nơi khác mà khởi Hóa thân. Kinh Hoa Nghiêm chép:

“Thị ma thổ ma hóa”, nghĩa là từ nơi khác mà phát khởi hóa hiện. Pháp thân vốn có, không nương vào nơi khác mà hiện bày, cho nên hoàn toàn chân thật. Nếu tự thọ dụng cũng gọi là Pháp thân thì không phải từ nơi khác biến hóa, do đó không có y xứ, lại cùng khắp pháp giới, cho nên không có nơi nào khác làm chỗ sở y, hoặc có thể nói môn này y cứ theo tánh tướng mà phân biệt, tự thọ dụng thân cũng thuộc về Ứng thân, như vì y trì nên ban đầu từ đó mà phát khởi. Duyên sinh không thật cho nên trong luận Đại Trang Nghiêm quyển ba chép: “Bình đẳng gọi là tự tánh thân bởi lẽ tất cả các Đức Phật đều không khác nhau. Thọ dụng thân gọi là thực thân. Thực thân do nương tựa mà phát khởi. Nên biết rằng thọ dụng thân lại là nhân của Hóa thân”. Lại nói: “Thực thân lấy tự lợi làm tướng, Hóa thân lấy lợi tha làm tướng”. Do đó có cả hai thuyết, luận chép: “Nói thực thân là bởi vì ở trong đại chúng thực hành pháp thực”.

**Văn kinh:** Nay người thiện nam! Ba thân như thế tùy theo ý nghĩa mà nói về thường; tùy theo ý nghĩa mà nói về vô thường.

**Tán rằng:** Thứ tám là Thường vô thường môn. Văn chia làm hai phần: Trước tiên nêu chung; tiếp đó giải thích riêng. Đây là nêu chung. Do có ý nghĩa mà nói là Thường có cả ba thân; nói Vô thường là bất biến pháp thân. Ở dưới nói: “Vì chẳng phải hành pháp, đó là cội gốc cho nên chỉ nói là Thường”. Hoặc có thể, Trí như như hợp lại gọi là Pháp thân, bốn trí vô thường do đó nêu chung mà nói, hoặc nói là Vô thường. Ở dưới y theo Như như chỉ nói là Thường, chẳng phải là hành pháp; hoặc đại khái không phải phiền não là hành pháp nên nói rằng chẳng phải hành pháp.

**Văn kinh:** Hóa thân, thường xoay bánh xe pháp, khắp nơi tùy duyên phương tiện nối nhau không hề đứt quãng, vì thế cho nên nói là Thường.

**Tán rằng:** Dưới đây giải thích riêng. Ba thân chia làm ba: Đầu tiên nói về Hóa thân, tiếp đến phân tích về Thường, sau cùng là Vô thường. Đây là phân tích về Thường: Hóa thân có tám tướng chỉ nêu ra một tướng, gọi là xoay bánh xe pháp. Hoặc chỗ này là hưởng về sinh; khiến đạt được lợi ích là xoay bánh xe pháp, các tướng hiện bày đều gọi là xoay bánh xe pháp, đều khiến cho càng nhiều hữu tình được giáo hóa. Tùy nơi sinh trú và tùy nơi Ứng hóa tất cả đều có nhiều gọi là chỗ chỗ tùy duyên. Tùy sở hóa duyên phương tiện, tùy năng hóa duyên phương tiện, mười hai thứ phương tiện đều nối nhau không ngừng, cho nên nói là Thường, tức là liên tục thường, như thường được an vui, thường cho ăn uống v.v...

**Văn kinh:** Chẳng phải là vốn có nên đầy đủ đại dụng, không hề hiển hiện nên nói là Vô thường.

**Tán rằng:** Nói về Vô thường, chẳng phải các pháp vốn có như tự tánh thân; đầy đủ đại dụng không hề hiển hiện, đó là công đức đã thành tựu, chẳng phải đột nhiên hiện khởi, tùy duyên lợi ích chúng sinh mới bắt đầu phát khởi. Như Tát-bà-đa chép: “Đức Thế tôn có pháp thọ dụng, đến lúc ban đầu mới thành Phật lập tức phát khởi được”. Dụng không đột nhiên phát khởi ở đây cũng giống như vậy. Hoặc y cứ theo Hiện Niết-bàn cho rằng: “Dụng không hiển hiện, đó là dụng của Ứng thân”.

**Văn kinh:** Ứng thân từ vô thủy đến nay nối nhau không dứt quãng.

**Tán rằng:** Dưới đây nói về Ứng thân. Đầu tiên nói về Thường, sau đó nói về Vô thường. Đây là phần đầu nói về Thường. Trước hết nhắc lại tên gọi của thân, tiếp theo hiển rõ Ứng thể. Ứng thân nương vào Pháp thân mà khởi, Pháp thân là Ứng với bốn tánh do đó thuận theo bốn tánh gọi là Vô Thủy. Vì vậy trong luận Nhiếp Đại Thừa chép: “Sở y thường hằng cho nên Ứng, Hóa cũng thường hằng”. Do đó nay sở y vô thủy thì Ứng thân cũng vô thủy, nếu như vậy thì Hóa thân cũng nên nói là vô thủy?

Đáp: Nên nói hay không nói ảnh hiện lẫn nhau, như tự thọ dụng nối nhau trong sát-na, như tha thọ dụng nơi này diệt đi, nơi khác lại nối tiếp.

**Văn kinh:** Cho nên tất cả pháp bất cộng của các Đức Phật thường thân nhiếp thọ trì.

**Tán rằng:** Nói về pháp bất cộng như dụng, lực, úy v.v... của Pháp thân. Ứng thân thường thân nhiếp làm y trì.

**Văn kinh:** Chúng sinh vô tận thì dụng cũng vô tận, cho nên nói là Thường.

**Tán rằng:** Nói về Thường. Cõi chúng sinh vô tận cho nên hiện bày mạng vô tận. Do đó nói là Thường. Đây là theo duyên, thường có tùy duyên, nên nói là Thường. Nhiếp Luận của ngài Vô Tánh chép: “Thọ dụng thân và Biến hóa thân của Phật đã là vô thường, vì sao kinh nói thân Như lai thường”. Đây là câu hỏi. Hai thân này nương vào Pháp thân nên thường, còn thân Đẳng lưu và thân Biến hóa vì thường thọ dụng, không dừng nghỉ dứt bỏ nên không dứt hẳn. Trong Vô Tánh giải thích rằng: “Nghĩa là hai thân này tuy vô thường nhưng nương vào Pháp thân thường trú, mà Pháp thân vốn thường cho nên cũng nói là Thường. Nói thân thường, hoặc Thể là Thường, hoặc nương vào thường

thân nên gọi là thân thường, đó là Di môn thường, chẳng phải Tự tánh thường”. Cho đến chép: “Giống như thế gian nói thường thọ vui, cho dù không phải là luôn luôn thọ vui không hề đứt quãng, nhưng có thể nói rằng đây là thường thọ vui. Nên biết rằng Thân thọ dụng của Phật cũng giống như thế”. Theo luận Đại Trang Nghiêm quyển ba chép: “Tất cả các Đức Phật thấy đều thường trụ. Do tự tánh thường nên tự tánh thân của tất cả các Đức Phật thường trụ. Do vô gián thường nên thực thân của tất cả các Đức Phật là thường trụ. Do nối tiếp thường nên Hóa thân của tất cả các Đức Phật thường trụ. Thực thân ở đây thấu nhiếp hai thân tự thọ dụng và tha thọ dụng mà nói, vì tự lợi tức là tự thọ dụng, vì người khác nói pháp gọi là thực thân, tức là tha thọ dụng, nên Nhiếp luận cũng giống.

**Văn kinh:** Chẳng phải vốn có nhưng bởi vì đầy đủ dụng không hề hiển hiện cho nên nói là Vô thường.

**Tán rằng:** Phân tích về Vô thường. Không hiển hiện nói đầy đủ như trước đã giải thích.

**Văn kinh:** Pháp thân chẳng phải là hành pháp, không có tướng khác nhau.

**Tán rằng:** Phân tích về Pháp thân thường. Đầu tiên phân tích về Thường, sau đó giải thích lời vặn hỏi. Trong phần đầu, trước hết nêu không có tướng khác; tiếp theo chính thức giải thích về Thường.

Đây là mở đầu. Chỉ theo Như như gọi là Pháp thân, nói chẳng phải hành pháp, không có tướng sinh diệt khác nhau. Lại giải thích như sau: “Dưới nói Pháp thân là do cả hai đều vô hiển bày. Hai vô ấy là hai tướng của bốn thứ phi hữu phi vô, lại chẳng phải hành pháp là chẳng phải phiền não, Hữu vi, hữu lậu hành pháp, năng chứng, vì trí vô phân biệt cũng là Pháp thân.

**Văn kinh:** Đó là cội gốc, vì giống như hư không cho nên là Thường.

**Tán rằng:** Chính thức phân tích về thường trụ. Như như là chân tánh của các pháp nên nói là cội gốc, không có hình tướng vì như hư không nên gọi là Thường, vì vậy nói là Thường. Tổng kết.

**Văn kinh:** Nay người thiện nam! Lìa trí vô phân biệt thì không có một thắng trí nào hơn cả, lìa pháp như như thì không có một thắng cảnh giới nào hơn.

**Tán rằng:** Giải thích hàng phục lời vặn hỏi. Văn chia làm ba phần: Đầu tiên là giải thích câu hỏi; tiếp theo lần lượt giải thích; sau cuối là tổng kết thành tự.

Đây là mở đầu. Vấn đề có hai: Trước hết là vì sao không dùng trí khác, pháp khác gọi là Pháp thân, mà dùng trí vô phân biệt và pháp như như kết hợp gọi là Pháp thân?

Đáp: Ý muốn nói rằng, lia trí vô phân biệt thì không có ý một thắng trí nào hơn, lia pháp như như cũng không có một thắng cảnh nào hơn, vì thế cho nên kết hợp cả hai gọi là Pháp thân.

Lại nói: Nếu như vậy thì năng duyên, sở duyên khác nhau, làm sao mà kết hợp gọi là Pháp thân? Tiếp theo lần lượt giải thích.

**Vấn kinh:** Là pháp như như, là tuệ như như, là hai thứ như như, như như không phải một, không phải khác.

**Tán rằng:** Lần lượt giải thích. Trí và như là hai thứ không phải một, cũng không phải khác. Vì sao? Vì như là trí cảnh, trí là hữu vi do đó Trí và Như không phải một. Nhưng trí nhờ cảnh mà sinh, Như là tánh của trí, vì thế Trí không khác như. Nếu khác thì trí không phải là tánh đó. Như luận Pháp Thắng chép: “Tánh của đất lẽ ra chẳng phải tánh nào khác, bởi vì khác với đất; như nước, lửa v.v... vì thế ở đây cũng giống như vậy. Cho nên luận Thành Duy Thức quyển tám chép: “Vì thế tánh này cùng với y tha chẳng phải khác, chẳng phải không khác, như tánh vô thường v.v...”.

**Vấn kinh:** Thế nên Pháp thân là tuệ thanh tịnh, là diệt thanh tịnh, là hai thứ thanh tịnh.

**Tán rằng:** Kết thúc thành tựu, trước là thành tựu; sau đó kết thúc. Thành tựu là nói: Do có năng chứng tịnh cho nên đạt được tuệ thanh tịnh, do có sở chứng thanh tịnh vì vậy đạt được diệt thanh tịnh. Thế nên Pháp thân là hai thứ thanh tịnh. Trong này, trước tiên chọn lấy hai thứ thanh tịnh, và chính nơi sự chọn lựa ấy mà Pháp thân là hai thứ thanh tịnh; nói cách khác, hai thứ thanh tịnh hợp lại gọi là Pháp thân.

**Vấn kinh:** Vì thế cho nên Pháp thân đầy đủ thanh tịnh.

**Tán rằng:** Kết thúc. Nói đầy đủ nghĩa là tròn đầy, do trí và cảnh này cao hơn, không có thứ tịnh nào hơn, cho nên Pháp thân đầy đủ thanh tịnh.

**Vấn kinh:** Lại nữa, này người thiện nam! Phân biệt về ba thân có bốn thứ khác nhau.

**Tán rằng:** Thứ chín là Tứ cú phân biệt môn, có hai:

1. Nêu tổng số.
  2. Giải thích riêng.
- Đây là mở đầu.

**Vấn kinh:** Có Hóa thân không có Ứng thân, có Ứng thân không có

Hóa thân, vừa có Hóa thân vừa có Ứng thân, không có Hóa thân cũng không có Ứng thân.

**Tán rằng:** Mở ra bốn câu.

**Văn kinh:** Thế nào là có Hóa thân không có Ứng thân?.

**Tán rằng:** Giải thích riêng về bốn câu, chia làm bốn đoạn. Câu thứ nhất có ba phần:

1. Gạn hỏi.
2. Giải thích.
3. Kết thúc.

Đây là gạn hỏi.

**Văn kinh:** Đó là sau khi các Đức Như lai nhập Niết-bàn, theo nguyện tự tại nên tùy duyên lợi ích.

**Tán rằng:** Giải thích bốn câu. Đây là giải thích câu thứ nhất. Vị các Như lai là nói đến tất cả các Đức Phật, sau khi nhập Niết-bàn nghĩa là trong tám tướng, hiện bày tướng sau cùng là Niết-bàn. Theo nguyện tự tại, là năng lực tự tại của Đại bi nguyện vốn có từ trước, tùy duyên cơ cảm hoặc là giữ lại hình ảnh, hoặc hiện thân các loài khác mà không hiện thân Phật, hiển hiện thân hình không cố định mà làm lợi ích, là Hóa thân không có Ứng thân. Y theo thật chứng sau khi đạt được Niết-bàn, khởi lên tám tướng thành đạo của Hóa thân cũng là câu này; nhưng vì phân biệt với tha thọ dụng, trí bình đẳng phát khởi, chỉ căn cứ trên sắc tướng, Phật an trụ hữu dư y cũng là Ứng, Hóa thân, do đó nói là hiện bày các thứ tướng. Sau khi nhập diệt để lại những hình ảnh v.v... và để lại hình hài, xương cốt là Hóa thân, không phải Ứng thân. Vì vậy kinh chép: “Vì nguyện tự tại nên để lại thân cốt”. Không như thế thì hai câu giữa nên nói rằng: “Sau khi nhập Niết-bàn chỉ là sự phát khởi sau khi chứng được quả vô thượng”.

**Văn kinh:** Đó gọi là Hóa thân.

**Tán rằng:** Kết thúc.

**Văn kinh:** Thế nào là có Ứng thân không có Hóa thân? Đó là thân Địa tiền.

**Tán rằng:** Dưới đây giải thích sơ lược câu thứ hai. Đây là thân của hàng Địa tiền nhìn thấy, nghĩa là hiện hình tướng Phật ở Địa tiền. Bồ-tát ở địa vị bốn gốc lành nhìn thấy gọi là Ứng thân, không thị hiện hình tướng khác cho nên chẳng phải Hóa thân. Tức là trong kinh Phạm Võng chép: “Ngàn đài hoa xung quanh, một nước một Thích-ca, một đài có ngàn cánh”. Trăm ngàn ức Thích-ca tức là một ngàn thế giới tam thiên đại thiên, một đại thiên thế giới có một Đại Hóa thân. Do đó kinh chép:

“Tam thiên đại thiên là cảnh giới hóa độ của Phật”. Nếu hàng Nhị thừa nhìn thấy một vị Phật thì chỉ hóa độ một tứ thiên hạ, không phải là một đại thiên. Y theo thân tha thọ dụng của Địa thượng nhìn thấy đó cũng gọi là Ứng thân, chẳng phải Hóa thân. Nay lược bỏ không nói đến.

**Vấn kinh:** Thế nào là vừa có Hóa thân vừa có Ứng thân? Nghĩa là thân trụ ở Niết-bàn hữu dư y.

**Tán rằng:** Giải thích câu thứ ba. Nghĩa là thân hiện bày vì hàng Nhị thừa làm trời, người cho nên là Hóa thân, thị hiện thành tựu chánh giác do đó gọi là Ứng thân, thân ở vương cung thị hiện thành Phật cho nên gọi là thân trụ ở Niết-bàn Hữu dư. Từ Sơ địa đến Thất địa được thân phần đoạn, thân Tha thọ dụng mà Bồ-tát nhìn thấy cũng thuộc trong câu này, nghĩa cũng không trái. Y theo đây thì nhiếp thâu gần hết các Đức Phật. Trừ Bát Địa trở lên, thân Tha thọ dụng được nhìn thấy không gọi là Hóa thân.

**Vấn kinh:** Thế nào là chẳng phải Hóa thân cũng chẳng phải Ứng thân? Đó là Pháp thân.

**Tán rằng:** Giải thích câu thứ tư. Đầu tiên giải thích thẳng; sau đó giải thích lời vặn hỏi.

Đây là mở đầu: Chính là thân tự thọ dụng và tự tánh Pháp thân hợp lại gọi là Pháp thân. Nhưng ba thân Phật, các thuyết không nhất định. Như luận Phật Địa và luận Thành Duy Thức chép: “Bốn thân Phật có giới hạn không lẫn lộn”. Số còn lại thì nói giống nhau. Như luận Nhiếp Đại Thừa chép: “Tự thọ dụng và tự tánh Pháp thân hợp lại gọi là Tự tánh Pháp thân, tha thọ dụng thân gọi là Ứng thân”. Nói có trời, người, Bồ-tát, Thanh văn nhìn thấy lẫn lộn. Hoặc thân tự thọ dụng v.v... hàng Bồ-tát Đẳng giác còn không thể biết huống gì chúng sinh khác, giả như thân tha thọ dụng vì hàng Địa thượng mà thị hiện thì cũng không có hàng Thanh văn. Nói có điều đó như trong luận Phật Địa có ba cách giải thích về điều đó, cách giải thích thứ ba hợp hơn: Đó là hàng Nhị thừa hồi tâm hướng đại nên gọi bằng tên gọi đó. kinh Lăng-già cũng giống như vậy. Còn trong luận Nhiếp Đại Thừa: “Thân Phật mà ở địa vị bốn gốc lành nhìn thấy cũng thuộc về tha thọ dụng”.

Hỏi: Vì sao có thể biết thân Tự thọ dụng cũng thuộc về Tự tánh Pháp thân?

Đáp: Trong luận đó quyển chín chép: “Nên biết Pháp thân tương ưng với mấy đức, đó là tối thanh tịnh, bốn vô lượng, giải thoát, thắng xứ v.v...” Quyển mười luận đó lại chép: “Pháp giới các Đức Phật chính là Pháp thân, nên biết rằng luôn luôn có thể thực hiện năm nghiệp



v.v...”.

Lại luận đó chép: “Nếu thân thọ dụng mà hàng Bồ-tát, Thanh văn và các chư Thiên, bao nhiêu chúng hội lẫn lộn có thể nhìn thấy đó, rõ ràng chẳng phải là tự tánh thân, bởi vì sắc thân có thể nhìn thấy”, lẽ nào Tự thọ dụng là thân vô sắc hay sao?

Đáp: Thân Tha thọ dụng chỉ có sắc gọi là hữu sắc. Không thể như vậy, phải nói rằng bởi vì năm uẩn cho nên chẳng phải là thân tự tánh, đâu chỉ nói là sắc. Chỉ có ba thân đó nghĩa đồng với kinh này.

Lại giải thích: Luận đó nói: “Tự thọ dụng và Tha thọ dụng hợp lại gọi là Thọ dụng, tự tánh Pháp thân chỉ có lý chân như nên nói pháp giới các Đức Phật chính là Pháp thân”.

Nói đầy đủ công đức là luận kia tự giải thích rằng: “Pháp thân của Phật do thành thật thắng nghĩa chân như hiện ra”. Đây chính là ý nói Pháp thân tương ứng với công đức tự tánh, nói thân khác nhau tương ứng không lỗi, theo ý này giống như kinh Thắng-man đã chép: “Ra khỏi ràng buộc gọi là Pháp thân”, cùng tương ứng với hằng sa tánh công đức, chẳng phải là tướng công đức. Nhân sáu đường nói về thọ dụng chẳng phải là tự tánh thân, và y theo tha thọ dụng, chẳng nói là tự thọ chẳng phải thuộc về thọ dụng. Theo điểm này tức là đồng với luận Đại Trang Nghiêm, luận Kinh Pháp hoa, luận Bát-nhã Kinh nói về ba thân, và khác với kinh này, vì thế đều thuận theo nhau.

Vả lại, luận Kinh Pháp hoa chép: “Hóa thân tức ở đây là vừa Ứng vừa Hóa, đồng với Ứng thân. Cũng có thể, tự thọ dụng và tha thọ dụng đều gọi là Ứng thân”, bởi vì nói tuổi thọ vô biên là ứng thân, Pháp thân chỉ là như, kinh đó nói “Chẳng phải thật, cũng chẳng phải hư v.v...” Nhưng các văn trên đều y theo phần nhiều, trong đó hoặc có nơi thuộc về thân tha thọ dụng thì nói là Tự thọ dụng, ở vào Tự thọ dụng thì nói là Tha thọ dụng; hoặc ở nơi pháp thân lại nói Ứng, Hóa thân, hoặc ở nơi Ứng, Hóa thân lại nói là Pháp thân. Do đó cùng ở nơi tánh tướng mà nói, văn có xen tạp lẫn nhau, theo đây nên biết.

**Văn kinh:** Nay người thiện nam! Pháp thân đó từ “hai vô sở hữu” hiển hiện ra.

**Tán rằng:** Giả định để giải thích lời hỏi vặn. Ý vặn hỏi: Đã nói rằng chẳng phải Ứng thân chẳng phải Hóa thân đó là Pháp thân, như thế sao trước đây nói ở thân thứ nhất với đồng sự các Đức Phật, ở thân thứ hai với đồng ý các Đức Phật, ở thân thứ ba đồng thể với các Đức Phật?

Lại nói: Thân thứ nhất này nương vào Ứng thân mà được hiển hiện, thân thứ hai này nương vào Pháp thân mà được hiển hiện, Pháp

thân đã chẳng phải là hai thân Ứng, Hóa, như thế làm sao thành tựu? Như người thế gian thân mỗi người đều có khác nhau, cho nên sự nghiệp, ý thể mỗi người đều không giống nhau. Lại như trước đã nói: Mặt trời, mặt trăng, nước gương, nhờ ánh sáng mà hiện rõ hình ảnh, cũng không thành tựu được. Nay lại giải thích, văn chia làm bốn phần:

1. Nêu ra.
2. Gạn hỏi.
3. Giải thích.
4. Thành tựu.

Đây chính là phần nêu ra. Nêu ra Ý pháp thân tức là lia không hai, lại do Như, Trí như như mà chứng mới hiển bày được, do đó thường làm nơi nương vào để phát khởi các sự nghiệp. Trước đây nói là khác nhau ấy là Tướng, Dụng luận riêng môn, nói giống như mặt trời, mặt trăng nhờ ánh sáng, nước, gương mà hiện rõ các hình ảnh là Tướng, Tánh hợp luận môn; hoặc nói Tự tánh Pháp thân hiển bày Ứng thân tức là Nhiếp tướng quy tánh môn. Vì vậy trong Nhiếp Luận của ngài Vô Tánh chép: “Pháp giới các Đức Phật chính là Pháp thân. Nên biết rằng thường có thể thực hành năm sự nghiệp, một là nghiệp cứu giúp tai họa bất ngờ, khiến cho người thấy Phật, nếu là người mù lòa liền được nhìn thấy, người điếc được nghe thấy, người điên được trí nhớ, tất cả các nghiệp như vậy v.v...”.

Luận tự hỏi rằng: “Nếu nói Pháp thân chẳng phải là cảnh của sáu căn, vì sao nay nói mù lòa được nhìn thấy v.v... có thể thấy Pháp thân là Pháp thân nghiệp?”?

Đáp: Thấy Pháp thân là nhờ nguyện lớn xưa kia dẫn dắt phát ra thế lực, thành tựu hoàn toàn pháp thân lần lượt phát khởi công dụng của Biến hóa thân, từ đó giúp cho người mù lòa được nhìn thấy v.v... Do tư lương xưa kia dẫn dắt phát sinh thế lực, chứng được Pháp thân tùy ý khởi các công dụng, như bộ phận khởi động máy, đem ngọn quay về gốc. Nói thấy Pháp thân thật ra chỉ thấy Hóa thân, cho nên ở sau kết thúc thành tựu nói: “Vì thế cho nên biết rằng cảnh giới thanh tịnh, trí tuệ thanh tịnh không thể phân biệt, không có trong đó, là cội gốc của diệt, đạo cho nên đối với Pháp thân này có thể hiển bày các thứ sự nghiệp của Như lai”. Nói về “Nhị vô sở hữu”, Tam tạng Chân-đế nói: “Như năm loại nhị vô sở hữu dưới đây; sở hiển hiện cố là vượt ra ngoài hai cảnh của năm loại, gọi là hiển hiện, đối với năm thứ hai này là không vốn có. Trong phần nêu ra có cả hai:

1. Cảnh nhị vô sở hữu.

## 2. Trí nhị vô sở hữu.

Do Như cảnh thù thắng vượt trội năm thứ hai không này, do trí vô phân biệt lần lượt chứng năm thứ hai hai không cảnh này, cho nên Pháp thân hiển bày. Lược bỏ không nói về phương tiện hạnh, nguyện đại bi v.v... và những thứ còn lại. Như vậy, hai Không này tức là Sinh không và Pháp không, Trí tức là Sinh không, Cảnh tức là Pháp không, nhân nơi hai Không hiển hiện Pháp thân.

**Văn kinh:** Thế nào gọi là hai vô sở hữu?.

**Tán rằng:** Gạn hỏi.

**Văn kinh:** Đối với pháp thân, tướng và tướng xứ cả hai đều không có.

**Tán rằng:** Giải thích, chia làm hai: Đầu tiên là cảnh không có hai, sau đó nói về trí không có hai. Đây là cảnh không có hai: Trước là chung, sau là riêng.

Đây là chung. Tướng tức là nhân ngã, tướng xứ tức là pháp ngã. Do Nhân ngã kia nương vào Pháp ngã mà phát khởi nên gọi là tướng xứ. Vì thế trong luận Thành Duy Thức chép: “Như từ nơi cái ghế vân vân rồi bảo đó là người v.v...”. Do đó, ngã thể của con người không có, chỉ do vọng tưởng mà thấy, giống như con mắt bị màng che nhìn thấy có vàng sáng tròn”. Do đó các kinh luận gọi Tướng là không có tánh. Bởi vì Pháp như như là “Nhị vô” nên nói rằng cả hai đều không có; luận Thành Duy Thức chép: “Viên thành thật từ nơi Y tha khởi kia, thường là tánh biến kế chấp trước đó”.

**Văn kinh:** Chẳng phải có, chẳng phải không, chẳng phải một, chẳng phải khác, chẳng phải số, chẳng phải không số, chẳng rõ ràng chẳng tối tăm.

**Tán rằng:** Hiển bày riêng Nhị vô. Phi hữu phi vô (chẳng phải có, chẳng phải không) là bốn câu là bỏ có không:

1. Có.
2. Không.
3. Vừa có vừa không.
4. Chẳng phải Có, chẳng phải Không.

Chỉ nêu ra câu thứ tư để hiển rõ là ba câu trước. Chẳng phải một, chẳng phải khác là bỏ bốn câu “một, khác” này:

1. Một.
2. Khác.
3. Vừa một vừa khác.
4. Chẳng phải một chẳng phải khác.

Cũng nêu ra câu thứ tư hiển rõ là ba câu trước. Chẳng phải số, chẳng phải không phải số là vượt quá tình số phân biệt gọi là chẳng phải số, là cảnh vô phân biệt gọi là chẳng phải không phải số, lại siêu vượt số lượng gọi là chẳng phải số, là thuộc về pháp nên là chẳng phải không phải số. Nói chẳng rõ ràng chẳng tối tăm tức là chẳng như chẳng sạch trong các kinh thường nói, từ đầu thường là nhiệm không phải đến nay mới tịnh gọi là chẳng rõ ràng, giả như lúc ở trong nhiệm mà chẳng nhiệm gọi là chẳng phải tối tăm. Do tâm thắng diệu này nên dứt bật ngôn từ.

Theo luận Nhiếp Đại Thừa thì không có ba thứ hai tướng:

1. Vô hữu không phải là hai tướng, chẳng phải hữu tướng là vì tất cả pháp biến kế sở chấp đều không có, do đó cũng chẳng phải vô tướng, từ không để hiển rõ cái có của tự tánh.

2. Hữu vi vô vi không có hai tướng là vì nghiệp phiền não chẳng phải là việc làm cho nên chẳng phải là tướng hữu vi, bởi có thể thị hiện như pháp hữu vi đạt được tự tại do đó chẳng phải là tướng vô vi.

3. Dị tánh Nhất tánh không có hai tướng là vì thể của Phật thân là đồng nhất cho nên chẳng phải là tướng khác nhau, vô lượng y chỉ thấy đều chứng đắc khác nhau do đó chẳng phải là tướng đồng nhất. Tất cả đều không có cho nên gọi là không có hai tướng.

**Văn kinh:** Trí như như ấy, không thấy tướng và tướng xứ, không thấy chẳng phải có, chẳng phải không, không thấy chẳng phải một, chẳng phải khác, không thấy chẳng phải số, chẳng phải không phải số, không thấy chẳng rõ ràng, chẳng tối tăm.

**Tán rằng:** Nói về Như lai như trí tức là trí vô phân biệt như cảnh mà chứng, do đó không thấy sự chung, riêng của năm điều không có này, tu tập đầy đủ đạo quả trọn vẹn.

**Văn kinh:** Cho nên biết rằng cảnh giới thanh tịnh, trí tuệ thanh tịnh, không thể phân biệt, không có trung gian.

**Tán rằng:** Dưới đây là kết thúc thành tựu. Đây là thành tựu bình đẳng hai thứ cảnh, trí cho nên hợp lại thành Pháp thân. Hai thứ cảnh, trí chẳng phải một, chẳng phải khác, không thể phân biệt, không có trung gian, kia đây khác nhau do đó cùng gọi là Pháp thân.

**Văn kinh:** Là cội gốc của Diệt đạo, cho nên đối với Pháp thân này thường hiển bày các thứ sự nghiệp của Như lai.

**Tán rằng:** Đây là kết thúc thành tựu Pháp thân là nơi Ứng, Hóa thân nương vào để có thể phát khởi các thứ sự nghiệp lợi ích. Cảnh thanh tịnh cho nên là cội gốc của Diệt đế, trí thanh tịnh do đó là cội

gốc của đạo đức. Do pháp Như như, Trí như như là cội gốc của diệt, đạo cho nên Ứng, Hóa thân nương vào nơi này phát khởi các thứ sự nghiệp. Như luận Nhiếp Đại Thừa nói lược về năm nghiệp cho nên gọi là chủng chủng, năm nghiệp ấy là:

1. Cứu giúp tai họa là sự nghiệp, vì thường giúp cho những người mù lòa được mắt sáng v.v....

2. Cứu giúp đường ác là sự nghiệp, vì phá sạch nơi chẳng lành, thiết lập nơi toàn thiện.

3. Cứu giúp chẳng phải phương tiện là sự nghiệp, vì giúp cho các hàng ngoại đạo dứt bỏ phương tiện sai lầm, cầu hạnh giải thoát, vào trong thánh giáo của Như lai.

4. Cứu giúp Tát-ca-da là sự nghiệp vì giảng dạy cho người kia có thể vượt thoát ba cõi; trong luận Vô Tánh giải thích rằng: nghĩa là ở trong đó thân luống dối bị chuyển đổi, tức là các pháp hữu lậu trong ba cõi. Đối với những người như thế, giảng giải chỉ dạy các pháp ra khỏi.

5. Cứu giúp Nhị thừa là sự nghiệp, cứu giúp các thừa Bồ-tát cõi Dục và các hàng Thanh văn bất định chủng tánh v.v... Ở nơi yên ổn, giúp tu tập hạnh Đại thừa.

Hỏi: Khiến cho đạt được Nhị thừa há chẳng phải nghiệp sao?

Đáp: Đây chính là nghiệp thứ ba và thứ tư.

**Văn kinh:** Nay người thiện nam! với thân này, nhân duyên, cảnh giới, xứ sở, quả vị nương vào Gốc thật khó nghĩ bàn.

**Tán rằng:** Toàn bộ đoạn thứ ba trả lời về nhân, tức là hiển bày nương vào nhân mà đạt được quả. Trả lời về vấn đề tu hành, trong này còn phân biệt rõ thứ lớp đạt được quả, không nói về thứ lớp tu hành. Ý này khiến cho người tu nhân phải biết rõ thứ lớp. Thứ lớp nhân là do nương vào thứ lớp quả. Luận Biện Trung Biên ba chép: “Khí là dị thực, lực là sự tăng thượng của nó, ái lạc thêm lớn thanh tịnh như dưới đây tức là năm quả”. Luận giải thích rằng: “Khí gọi là thuận theo pháp lành, dị thực gọi là đạt được thân thù thắng để làm đạo khí, lực nghĩa là do lực tăng thượng của khí kia khiến cho các pháp lành thành tựu thượng phẩm tánh”.

Ý này là do nương vào thân thù thắng và năng lực lành ngày xưa hợp lại mà nay pháp lành thành tựu tăng thượng phẩm. Ái lạc nghĩa là khả năng tu lành của nhiều đời trước, đời nay đối với pháp lành phát sinh ưa thích sâu sắc. Thêm lớn nghĩa là những khả năng tu lành ở đời hiện tại, khiến cho gốc lành tu tập mau chóng được trọn vẹn. Tịnh nghĩa là dứt trừ chướng ngại, lìa hẳn sự ràng buộc.

Đây là năm thứ lớp tức là năm quả vị:

1. Dị thực (Tức là khí trước đây).
2. Tăng thượng quả tức là pháp lành thành tựu thượng phẩm, do năng lực tăng thượng của thiện dị thực cho nên pháp lành thành tựu thượng phẩm là quả tăng thượng.
3. Quả Đẳng lưu tức là do năng lực tu lành của nhiều đời trước, khiến cho đời này đối với pháp lành phát sinh ưa thích sâu sắc là quả đẳng lưu ở trước.
4. Quả Sĩ dụng, do năng lực tu tập ở đời hiện tại khiến cho gốc lành mau chóng được trọn vẹn, là quả sĩ dụng, đây là nói theo pháp sĩ dụng.
5. “Quả Ly hệ, do dứt trừ chướng ngại trước đây nên lìa hẳn ràng buộc, là quả ly hệ”.

Nay ở đoạn này ý nói về nghĩa này, thứ lớp văn phân tích về quả khác nhau so với luận kia có mười thứ quả:

1. Quả Hậu hậu, đó là nhờ vào chủng tánh mà đạt được quả phát tâm, như vậy các quả lần lượt thay đổi, nên biết rằng ý này nói đến tiền tiền là nhân, hậu hậu là quả, bởi vì hậu hậu vị nhân nơi trước mà đạt được, do đó hậu hậu vị tính là tiền quả, đây là nói chung.
  2. Quả Tối sơ, đó là đầu tiên chứng được pháp xuất thế gian, tức là Sơ địa.
  3. Quả Sở tập, đó là các địa vị hữu học từ đây về sau (tức là địa vị Thập Địa).
  4. Quả Cứu cánh, đó là pháp vô học (tức là Phật Địa).
  5. Quả Thuận theo, đó là dựa theo từng bước nên biết rõ tức là thuộc về hậu hậu quả.
  6. Quả Chướng diệt, đó là có thể đoạn đạo, tức là quả tối sơ có thể diệt trừ chướng ngại, vì thế nói là diệt chướng (đây là ý nêu ra ban đầu để hiển rõ hậu trí cũng giống như thế).
  7. Quả Ly hệ, đó chính là quả sở tập và cứu cánh, cho nên địa vị hữu học và vô học như dưới đây lìa sự ràng buộc của phiền não.
  8. Quả Thù thắng, đó là công đức thù thắng của các thần thông v.v...
  9. Quả Hữu thượng, đó là Bồ-tát Địa vượt ra khỏi các thừa khác, nhưng chưa thành Phật.
  10. Quả Vô thượng đó là Như lai địa, bởi vì bậc Thượng này trải qua tất cả các pháp thù thắng không còn sót lại pháp nào.
- Ở đây, sáu quả sau là nói theo nghĩa khác nhau của bốn quả trước,

toàn văn chia là ba phần:

1. Nêu tổng quát.
2. Giải thích riêng.
3. Khuyến khích tu tập.

Đây là phần một, nêu ra có năm nghĩa:

1. Thân, tức là khí quả dị thực.
2. Nhân duyên, tức là nường vào sự tu điều lành trước đây của khí đó, là nhân duyên chính là quả tăng thượng do thiện thân khí làm năng lực tăng thượng giúp cho pháp lành thêm lớn.

3. Cảnh giới tức là nêu ra cảnh sở duyên của quả đẳng lưu, tức là Bồ-đề, Niết-bàn và các pháp lành đều là cảnh của nó, duyên theo pháp thù thắng này phát khởi ưa thích.

4. Xứ sở: tức là quả sĩ dụng, do luôn luôn tu thiện Bồ-đề mau chóng trọn vẹn là nơi mong cầu, đó là ý muốn đến đại Bồ-đề của Đại thừa.

5. Quả nường vào căn bản là quả Ly hệ, “Quả Y Bản”: là quả ly hệ (lìa ràng buộc) này không lìa pháp như như. Vì khó nghĩ bàn: Tóm lại là khen ngợi khó nghĩ bàn được, chẳng phải là cảnh giới của hàng Nhị thừa.

**Văn kinh:** Nếu hiểu rõ nghĩa này thì thân này chính là Đại thừa, là Như lai tánh, là Như lai tạng.

**Tán rằng:** Dưới đây là giải thích:

1. Giải thích về khí quả dị thực.
2. Nường vào thân này giải thích nhân duyên, tức là quả tăng thượng.
3. Từ “Không lui sụt địa tâm v.v...” trở xuống là nói về sĩ dụng quả.

4. Từ “Này người thiện nam! Pháp thân ấy v.v...” Về sau là nói đến quả ly hệ. Cảnh giới đó là tất cả các pháp khác nhau trong mười quả này, là nghĩa khác nhau của năm quả này.

Đây là mở đầu. Nếu hiểu rõ nghĩa này, là đầu tiên đầu tiên nói chung về khuyến tín. Thân này chính là Đại thừa, là năng lực tăng thượng đạt được quả Đại thừa, do đó gọi là Đại thừa. Là Như lai tánh, tức nường vào thân này tu tập các pháp lành dần dần thêm lớn là Như lai tánh. Lại chưa hiện khởi các chủng tử vô lậu và thể chân như là Như lai tánh, sự tánh và lý tánh đều gọi là Phật tánh, là Như lai tạng, tức là quả thức dị thực, trong kinh Lăng-già chép: “Thức A-lại-da gọi là không Như lai tạng, huân tập đầy đủ các pháp vô lậu cho nên gọi là bất

không Như lai tạng, thức thứ tám hữu lậu luống dối vì thế gọi là không; thể của các chủng tử vô lậu trong thức gọi là bất không Như lai tạng, bởi vì lìa xa luống dối. Nói đầy đủ tức là có đầy đủ hai thứ chủng tử hữu lậu, vô lậu”.

**Văn kinh:** Nương vào thân này có thể phát khởi sơ tâm, tu hành địa tâm mà được hiển hiện.

**Tán rằng:** Sau là giải thích về nhân duyên, tức là quả tăng thượng. Do quả dị thực nên năng lực của thân tăng thêm, liền phát khởi sơ tâm, tu hành địa tâm.

**Văn kinh:** Không lui sụt địa tâm cũng hiện bày tâm Kim cương, tâm của hàng Nhất sinh bổ xứ.

**Tán rằng:** Nói về quả sĩ dụng. Có sự khác nhau trong quả sĩ dụng. Trong quả có tám quả:

1. Quả Hậu hậu.
2. Quả Tối sơ.
3. Quả Sắc tập.
4. Quả Rốt ráo.
5. Quả Chướng diệt.
6. Quả Hữu thượng.
7. Quả Vô thượng.
8. Quả Thù thắng.

Không lui sụt địa này là quả tối sơ đạt được sơ địa chứng đến không lui sụt, do đó tập hợp làm quả sắc tập và quả hữu thượng, quả hậu hậu chung cho Phật địa.

**Văn kinh:** Tâm Như lai thấy đều hiển hiện, vô lượng, vô biên diệu pháp của Như lai thấy đều hiển hiện.

**Tán rằng:** Quả cứu cánh thứ tư và quả vô thượng thứ bảy, trong đó trước tiên là nói chung, sau là nói riêng. Đây là nói chung.

**Văn kinh:** Nương vào Pháp thân không thể suy nghĩ bàn luận này mà đại Tam-muội được hiển hiện, nương vào Pháp thân này mà hiển bày tất cả đại trí.

**Tán rằng:** Nói riêng về quả cứu cánh và quả vô thượng. Trong đó lại có ba:

1. Đạt được định trí.
2. Hiện bày Ứng, Hóa.
3. Hiển rõ bốn đức.

Đây là đạt được định trí, cũng là đạt được quả chướng diệt, nên đạt được định trí.



**Văn kinh:** Vì thế cho nên hai thân nương vào Tam-muội, nương vào trí tuệ mà được hiển hiện.

**Tán rằng:** Hiện bày Ứng thân, Hóa thân.

**Văn kinh:** Pháp thân ấy nương vào tự thể nói thường, nói ngã, nương vào đại Tam-muội nên nói về lạc, nương vào đại trí nên nói thanh tịnh.

**Tán rằng:** Ba là Hiển rõ bốn đức: đầu tiên nói về riêng; sau đó kết thúc chung. Đây là nói về riêng. Tự thể như như cho nên nói là thường, vì thường nên nói là ngã. Nhờ Tam-muội nên được đại lạc. Kén chọn nhân và Nhị thừa gọi là đại Tam-muội. Từ trí đoạn chướng cho nên đạt được tịnh đức.

Hỏi: Trong luận Bảo Tánh và luận Nhiếp Đại Thừa đều nói Tín là nhân của tịnh đức, ở đây sao nói là trí?

Đáp: Bởi vì các luận đó loại trừ sự vẫn đục của bất tín và biệt nhân nên tín là nhân của tịnh đức. Đây là y cứ theo đoạn nhiệm, và thông thường trí là nhân của tịnh đức. Còn thường, ngã là nói theo thể, lạc, tịnh là nói theo nhân và thể mô phỏng nói lẫn nhau.

**Văn kinh:** Vì thế cho nên Như lai thường trụ tự tại, an vui thanh tịnh.

**Tán rằng:** Tổng kết. Tự tại tức là ngã đức.

**Văn kinh:** Nương vào đại Tam-muội, tất cả thiền định Thủ-lăng-nghiêm v.v... tất cả niệm xứ đại pháp niệm v.v... đại từ đại bi.

**Tán rằng:** Dưới đây nói về quả thù thắng: Văn chia làm ba: Đầu tiên là pháp, tiếp theo là dụ, sau cuối là hợp. Trong pháp có hai: trước hết nói về công đức thù thắng của định phẩm, sau đó nói về công đức thù thắng của trí phẩm. Nương theo định mà phát tuệ; vì thế trước tiên nói về định phẩm. Định phẩm chia làm ba: Đầu tiên nêu ra, tiếp đến liệt kê, sau cuối kết thúc; hoặc đầu tiên phân tích sở y, tiếp theo phân tích năng y, sau cuối kết thúc. Đại Tam-muội là tánh đạt được Tam-muội. Tuy nhiều nhưng chỉ có tám thứ:

1. Thiền.
2. Định.
3. Niệm xứ.
4. Đại từ bi.
5. Đà-la-ni.
6. Sáu Thần thông.
7. Tám Tự tại.
8. Tất cả pháp bình đẳng nhiếp thọ.

Đây là bốn thứ đầu tiên. Thiền tức là bốn tĩnh lực, Định gọi là bốn định vô sắc, vì thế kinh Tát-già-ni chép: “Như lai thiền định là gì? Đáp: Có thứ đệ định, và Thủ-lăng-nghiêm v.v... hoặc chính là Đại thừa Quang định, Tập Phước đức vương định, Hiện thủ định, Kiện hành định”. Truyện nói: “Thủ-lăng-nghiêm tức là kiện hành định, chính âm là Tô-lăng-già-ma, Hán dịch là kiện hành, là nêu lên tính thượng thủ của nó. Định thực sự vô biên, cho nên nói là đẳng”. Về chung riêng, sơ lược nêu ra thiền định là chung, Thủ-lăng-nghiêm là riêng.

Tất cả niệm xứ nghĩa là ba niệm xứ, bốn niệm xứ và sáu niệm v.v... nói đại pháp niệm tức là niệm pháp trong sáu niệm, vì pháp là thầy của Phật cho nên trước tiên nói về pháp niệm, có lẽ đây chính là hoại duyên pháp niệm trụ. Kinh Tát-già-ni quyển bảy chép: “Pháp niệm xứ nghĩa là quán sát nội pháp và ngoại pháp, nội pháp, ngoại pháp thực thi hai thứ ý tưởng, đó là thường và vô thường. Thường dùng Phật nhãn thấy tất cả đến ngôi nơi đạo tràng không hề bị thay đổi”. Đây là nói theo quả, cho đến chép: “Không dùng nhục nhãn, Thiên nhãn, tuệ nhãn để quán sát. Vì sao? Vì ba thứ nhãn không có tướng mạo cho nên dùng pháp nhãn mà quán sát”. Đây là nói theo thông nhân nêu ra một loại khác. Đại từ đại bi tức là bốn vô lượng, bởi vì ban vui bạt khổ thù thắng cho nên nêu ra để nói. Kinh Tát-già-ni quyển sáu có ba mươi hai loại đại bi quán. Kinh Tư Ích quyển hai có ba mươi sáu loại đại bi, rộng như các kinh đó đã nói.

**Văn kinh:** Tất cả Đà-la-ni, tất cả thần thông, tất cả tự tại, tất cả pháp bình đẳng nhiếp thọ.

**Tán rằng:** Thứ năm là đức Tổng trì. Tất cả thần thông là sáu thông đức. Như kinh Tát-già-ni quyển bảy chép: “Thiên nhãn thông là công đức tạo thành từ trí tuệ, thấy rõ hình sắc vốn có khắp mười phương, cho đến cũng nhìn thấy mọi hạnh nghiệp tu tập của Bồ-tát, Thanh văn, chúng sinh trong năm đường tất cả không sót loại nào”. Cho đến năm loại còn lại đều như kinh đã nói. Tất cả tự tại tức là mười thứ lớp tại, như trên đã nói còn kinh Tát-già-ni quyển bảy chép: “Đạt được bốn như ý thành tựu bốn tự tại:

1. Mạng tự tại.
2. Thân tự tại.
3. Pháp tự tại.
4. Thần lực tự tại.

Mạng như trước đã giải thích. Thân tự tại là vì chúng sinh nên tùy tâm thực hiện thân, tùy tâm thực hiện sắc cũng hiện bày oai nghi;

hoặc muốn cùng với chúng sinh đồng thân tướng đó, thấy đều có thể thực hiện gọi là thân tự tại. Pháp tức là biết rõ các pháp thế và xuất thế, đạt được biện tài vô ngại, tùy theo ý chúng sinh mà nói giúp cho họ trụ trong chánh tín. Đó gọi là pháp tự tại. Thân lực tự tại là hiện bày đầy đủ các thứ thân thông”. Tất cả pháp bình đẳng nhiếp thọ là vì đạt được pháp bình đẳng, chúng sinh bình đẳng, thường nhiếp thọ tất cả hữu tình. Trong luận Du-già quyển bốn mươi sáu chép: “Do năm thứ tướng rộng khắp đối với hữu tình, tâm đó bình đẳng:

1. Bồ-tát lúc đầu phát tâm nguyện đại Bồ-đề như thế cũng vì lợi ích cho tất cả mọi loài hữu tình cho nên khởi tâm bình đẳng.

2. Đối với các loài hữu tình tâm trụ trong thương xót, hoàn toàn bình đẳng.

3. Đối với các loài hữu tình tâm tâm phát khởi đều bình đẳng yêu thương như con đẻ.

4. Biết mỗi hữu tình vốn có pháp tánh, tức là pháp tánh của tất cả hữu tình, bởi vì pháp tánh bình đẳng nên tâm đều thực hành, đối với các loài hữu tình tâm trụ trong bình đẳng.

5. Như đối với một hữu tình thực hành hạnh lợi ích, đối với tất cả hữu tình thực hành hạnh lợi ích cũng giống như vậy, đem tâm lợi ích cùng đối với các loài hữu tình, tâm trụ trong bình đẳng”.

Luận Đại Trang Nghiêm quyển bảy nói có năm thứ bình đẳng, luận Pháp Hoa và luận Nhiếp Đại Thừa đều có ba thứ bình đẳng. Hoặc có thể, tất cả pháp bình đẳng chỉ cho các định phẩm nhiếp thọ tất cả công đức pháp bình đẳng, hoặc nhiếp thọ này thuộc về văn kết thúc ở sau nói: “Nhiếp thọ Phật pháp như vậy thấy đều xuất hiện, từ sự bình đẳng này mà thường bình đẳng nhiếp thọ.

**Văn kinh:** Phật pháp như vậy thấy đều xuất hiện.

**Tán rằng:** Kết thúc.

**Văn kinh:** Nương vào đại trí, mười lực, bốn vô sở úy, bốn vô ngại biện này.

**Tán rằng:** sau đây nói về công đức thù thắng của trí phẩm. Văn chia làm ba như định, đây chính là nêu ra chung và nói về riêng. Đại trí tức là Nhất thiết trí làm cội gốc, mười lực v.v... tức là Nhất-thiết-chủng-trí; hoặc là đại trí, tức là chân như trí tánh, mười lực v.v... cả ba loại rộng như các nơi khác phân tích.

**Văn kinh:** Một trăm tám mươi pháp bất cộng, tất cả pháp hy hữu không thể suy nghĩ bàn luận thấy đều hiển hiện.

**Tán rằng:** Một trăm lẻ tám pháp Bất cộng y theo kinh Vô thượng

Y chép: “Đức Phật bảo A-nan: có một trăm lẻ tám pháp Bất cộng, đây là công đức thù thắng của Như lai, một là ba mươi hai tướng, hai là tám mươi vẻ đẹp”. Hai phần này rộng như các kinh luận khác đã phân tích, nay chỉ nói sơ lược về ba mươi hai tướng, kinh Đại Bát-nhã ba trăm tám mươi một chép”:

1. Tướng dưới chân Thế tôn có bằng phẳng.
2. Tướng dưới chân Thế tôn hình bánh xe ngàn căm.
3. Tướng tay chân mềm mại.
4. Tướng trong các kẽ ngón tay có da mỏng như màng lưới.
5. Tướng Các ngón tay chân tròn đầy dài và nhọn.
6. Tướng Gót chân đầy đặn tương xứng với mu bàn chân.
7. Tướng Mu bàn chân đầy đặn tương xứng với gót chân (Du-già không có tướng này).
8. Tướng Hai bắp vế Thế tôn như bắp chuối tròn.
9. Tướng Hai cánh tay dài duỗi thẳng, khi đứng dài quá gối.
10. Tướng nam căn ẩn kín.
11. Tướng Mũi lỗ chân lông đều mọc một sợi lông.
12. Tướng Đầu lông tóc đều hướng lên trên.
13. Tướng Da thân láng mịn.
14. Tướng Da thân màu vàng thắm.
15. Tướng Bảy chỗ đầy đặn (hai tay, hai chân, hai vai và đỉnh đầu).
16. Vai và cổ tròn đầy.
17. Tướng hai nách đầy đặn.
18. Tướng Dung nghi của Thế tôn rạng rỡ trang nghiêm.
19. Thân tướng của Thế tôn cao lớn oai nghiêm.
20. Tướng Thế tướng của Thế tôn dọc ngang cân phân.
21. Tướng Ngực cầm và nửa thân trên của Thế tôn như sư tử đầu đàn.
22. Tướng Thân thường phát ra ánh sáng một tầm.
23. Tướng Răng trắng trong đều nhau dày khít và có bốn mươi chiếc.
24. Tướng bốn chiếc răng cửa sáng trắng.
25. Tướng Thường có đượ năm mùi vị.
26. Tướng lưỡi rộng dài mềm mỏng phủ le ra kín chân tóc.
27. Tướng Phạm âm hòa nhã mọi người đều thích nghe.
28. Tướng Lông mi xanh biếc ngay ngắn không tán loạn.
29. Tướng Mắt xanh biếc tươi sáng đỏ hồng, trong điểm thêm ánh

sáng trắng.

30. Tướng Mặt như trăng tròn, mày như chiếc cung.

31. Tướng Sợi lông giữa hai đầu chân mày sáng ngời, hơn xa ngọc báu.

32. Tướng Ô-sắc-nị-sa (nhục kế) giống như lọng trời”.

Nhưng khai hợp có khác nhau so với Du-già, trong Du-già tánh tướng rạng rỡ trang nghiêm thứ mười tám làm thân không cong vẹo, lại tánh tướng thứ hai mươi ba làm răng không hở, răng sáng trong, tánh tướng cằm ngực thứ hai mươi mốt làm hai tướng. Kết hợp tướng mu bàn chân tướng xứng với gót chân thứ bảy, kết hợp tướng bốn răng cửa vào tướng răng, kết hợp tướng cao lớn oai nghiêm thứ mười chín vào tướng đồng thanh đồng thủ thứ hai mươi, không có tướng mặt như trăng tròn thứ ba mươi. Đây là thuận theo thế tục nên nói về tướng không giống nhau, vì vậy nói có khác nhau.

Y theo các tướng nêu ra ở trước có bài tụng rằng:

*Các tướng hiện bày mềm lười nhọn  
Gót mu chân vế cánh tay dài  
Lông mọc một phía da bóng mịn  
Sắc vàng bảy nơi vai tròn trịa.  
Thể nghi cao lớn thật trang nghiêm  
Sư tử ánh sáng răng bốn chực  
Răng cửa vị lười và âm thanh.  
Mi mắt xoáy tròn mày lọng trời”.*

Trong Du-già quyển bốn mươi chín chép: “Hóa thân khiến cho hữu tình phát sinh niềm hỷ lạc sâu sắc đối với các thứ nghiệp ác hiện hành của họ, như vậy các thứ nghiệp ác hiện hành là sở đối trị, cảm nhận tướng tốt tùy theo ý thích các thứ nghiệp lành là năng đối trị”. Lại chép: “Như vậy tất cả ba mươi hai loại tướng phu tướng không hề có sự khác nhau. Nên biết rằng đều sử dụng tịnh giới làm nhân mà cảm ứng được. Vì sao? Vì nếu các Bồ-tát hủy phạm tịnh giới, thân người thấp hèn còn không được, huống là có thể cảm đến tướng đại tướng phu sao?”

Kinh Đại Bát-nhã lại chép: “Như vậy Thiện hiện Bồ-tát Ma-ha-tát thực hành Bát-nhã sâu sắc, thường đem hai thứ Tài, Pháp bố thí thấu nhiếp các loài hữu tình, thật là pháp hy hữu vô cùng đặc biệt”.

“Lại do thực hành năm sự tu tập:

1. Phát tâm.
2. Lâu dài.

3. Không đứt quăng.
4. Thiết tha tôn trọng.
5. Sự cảm ứng được đầy đủ”.

Kinh Y Bảo Nữ quyển bốn chép: “Tu nhân và tướng có chút khác nhau”.

Kinh Vô Thượng Y quyển hai nói về sự tu nhân đồng với luận Du-già quyển bốn mươi chín: “Nói là tướng hơi khác nhau là do người phiên dịch mà thôi”.

Lại nói tu hành bốn chánh nghiệp đạt được ba mươi hai tướng:

1. Quyết định không tạp, trong luận Du-già gọi là quyết định tu tác.
2. Quán xét tướng tận tinh tế, trong luận Du-già gọi là Ủy tất tu tác
3. Thường xuyên tu tập không xen hở, Trong luận Du-già gọi là hằng thường tu tác

4. Tâm không điên đảo, trong luận Du-già gọi là vô tội tu tác.

Nghiệp thứ nhất đạt được tướng dưới chân bằng phẳng.

- Nghiệp thứ hai đạt được chín tướng:

1. Dưới lòng bàn chân có hình bánh xe.
2. Gót chân đầy đặn.
3. Mười ngón tay chân có màng lưới.
4. Da láng và mịn.
5. Bảy chỗ đầy đặn.
6. Hai vai bằng thẳng, hai nách đầy đặn.
7. Cánh tay tròn lẳn.
8. Lưỡi rộng dài.
9. Ngực như ngực sư tử.

- Nghiệp thứ ba đạt được năm tướng:

1. Ngón tay thon dài.
2. Gót chân dài.
3. Thân thẳng không khom.
4. Ngang dọc xứng nhau.
5. Dung mạo hoàn toàn thanh tịnh.

Nghiệp thứ tư đạt được các tướng còn lại, đồng với Du-già.

Trong luận Thập Trụ Tỳ-bà-sa quyển sáu cũng nói về nhân của ba mươi hai tướng, kinh Tát-già Ni-kiền Tử quyển sáu cũng nói về ba mươi hai tướng và tám mươi vẻ đẹp, phổ biến như các kinh luận khác đã giải thích. Tướng tốt đều sử dụng bốn căn y xứ mắt, lưỡi, thân, nam

và thiệt căn làm thể, nếu trong chủng tánh của các Bồ-tát chỉ có chủng tử thì nương vào thân mà an trụ, thắng giải hạnh địa mới có thể tu tập pháp khác, có thể đạt được phương tiện, tịnh thắng ý lạc địa mới gọi là Đắc (đạt được). Nếu ở ngoài các địa trên thì như vậy tướng tốt chuyển thành thắng thanh tịnh. Nếu ở Như lai địa thì nên biết rằng tướng tốt sẽ là thiện tịnh vô thượng.

Hỏi: Tại vì sao chỉ lập ba mươi hai loại này làm tướng đại trượng phu?

Đáp: Quyển bốn mươi chín chép: “Các tướng như vậy là có sắc cho nên chỉ là phẩm thắng trong liệt, vì thế các loài hữu tình dễ dàng nhận biết. Tuy có tất cả các thứ Phật pháp bất cộng đều được gọi là tướng đại trượng phu, nhưng chỉ lập các tướng này làm tướng đại trượng phu”. Kinh Đại Bát-nhã quyển ba trăm tám mươi một chép: “Thế nào là tám mươi tùy hảo của Như lai? Đây thiện hiện! Đó là:

1. Móng tay thon và dài.
2. Ngón tay ngón chân tròn thon và mềm mại.
3. Tất cả các ngón tay chân đều đầy đặn như nhau.
4. Tay chân tròn trịa sạch mềm như ý.
5. Gân máu chẳng chịt ẩn kín không hiện.
6. Hai mắt cá đều ẩn kín.
7. Bước đi tiến thẳng như rồng chúa, voi đầu đàn.
8. Bước đi oai hùng thông dong như sư tử đầu đàn.
9. Bước đi an bình giống như trâu đầu đàn.
10. Bước nhẹ nhàng lại giống như ngỗng đầu đàn.
12. Quay cổ về bên phải như rồng đầu đàn, voi đầu đàn.
12. Chi tiết theo thứ lớp tròn trịa đẹp đẽ.
13. Khớp xương giao nhau giống như rồng cuộn.
14. Đầu gối tròn vạnh vững chắc đầy đặn.
15. Chỗ kín đẹp đẽ đầy đặn thanh tịnh.
16. Da trên thân trơn láng bụi bặm không dính.
17. Thân thể dung mạo chân thành nghiêm trang thường không yếu hèn.
18. Thân thể vững chắc gắn bó với nhau.
19. Thân thể an định, chân thành tôn trọng, không hề nghiêng lệch.
20. Thân tướng giống như tiên vương thanh tịnh uy nghiêm.
21. Vàng ánh sáng tròn quanh thân, thường tự chiếu sáng.
22. Bụng hình vuông không hề thiếu sự mềm mại.

23. Rốn sâu hướng về phía phải tròn trịa sạch sẽ.
24. Rốn dày không lõm không lõm rất đẹp đẽ.
25. Da dẻ không gẻ lở, ung nhọt.
26. Lòng bàn tay đầy đặn, dưới bàn chân bằng phẳng.
27. Đường chỉ tay sâu dài thẳng láng không tán loạn.
28. Màu môi đỏ thắm như quả Tần-bà.
29. Khuôn mặt không dài không ngắn, lớn nhỏ như nhau.
30. Lưỡi mềm mại mịn màng, rộng dài đỏ thắm.
31. Tiếng nói uy nghiêm, rõ ràng trong suốt.
32. Âm vận dịu ngọt lạnh lạnh như tiếng vọng trong hang sâu.
33. Mũi cao dài thẳng không lộ hai lỗ.
34. Các răng của Thế tôn vuông vức thẳng tắp và sáng trong.
35. Các răng cửa tròn sáng trắng trong và sắc bén.
36. Mắt Thế tôn trong xanh sáng ngời.
37. Tướng mắt dài rộng như hoa sen xanh.
38. Mi mắt bằng thẳng dày dặn không thưa.
39. Mày dài không trắng, dày khít kín nhưng mềm mại.
40. Hai mày đẹp rạp xuống dài thon xanh biết.
41. Hai mày cao vút tươi sáng như trăng đầu tháng.
42. Lỗ tai dài rộng lớn như chiếc vòng rũ xuống.
43. Hai tai sáng đẹp bằng phẳng cân đối.
44. Người nhìn thấy dung nghi ngài không sinh tâm nhiễm ái.
45. Vầng trán rộng đầy đặn, hình tướng tuyệt đẹp.
46. Nửa phần thân trên như sư tử đầu đàn.
47. Đầu tóc dài, dày dặn xanh biết.
48. Đầu tóc thơm tho, tươi sáng xoay tròn.
49. Đầu tóc bằng thẳng không rối, không lẫn lộn.
50. Đầu tóc vững chắc không đứt, không rụng.
51. Đầu tóc láng bóng, bụi bặm không dính.
52. Thân thể khỏe mạnh hơn thần Na-la-diên.
53. Thân thể của Thế tôn cao lớn nghiêm trang.
54. Các lỗ nơi thân thể Thế tôn thanh tịnh tuyệt diệu.
55. Thân thể thế lực thù thắng không có ai bằng.
56. Thân tướng Thế tôn thích nhìn không chán.
57. Mặt tròn dài rộng như trăng tròn mùa thu.
58. Nhan sắc dung mạo thanh thản mỉm cười trước khi nói.
59. Nét mặt sáng ngời, không hề buồn bực.
60. Thân thể thanh tịnh không bẩn, không hôi.



61. Trong các lỗ chân lông thường phát ra mùi thơm đặc biệt.
62. Khuôn mặt thường phát ra mùi thơm thảng diệu.
63. Tướng đầu tròn đẹp giống như lọng trời.
64. Thân có màu sắc xanh biếc như cổ chim khổng tước.
65. Phát âm tùy theo mọi loài, hợp lý, không sai.
66. Tướng đỉnh đầu của Thế tôn không ai nhìn thấy được.
67. Ngón tay ngón chân đều đặn xinh đẹp.
68. Chân đi cách mặt đất bốn ngón tay mà dấu chân vẫn hiện rõ.
69. Tự giữ gìn, thân không hề dao động.
70. Uy đức vang xa, người thấy vui mừng xua tan sợ hãi.
71. Tiếng nói không cao thấp phát ra lời nói hòa nhã dịu dàng.
72. Tùy loại, mà nói tiếng, tùy ý thích mà nói pháp.
73. Giảng nói một loại âm thanh tùy mỗi loài đều hiểu được.
74. Nói thấy đều theo thứ lớp chắc chắn có nhân duyên.
75. Bình đẳng quán sát hữu tình, khen ngợi, chê bai đều hiện.
76. Làm việc gì trước tiên quán xét oai nghi, khéo léo thanh tịnh.
77. Tướng tốt của Thế tôn không thể nào quán sát hết được.
78. Xương đỉnh đầu của Thế tôn vững chắc trọn vẹn.
79. Nét mặt thường ít vui khi đi qua những nơi xa xưa.
80. Tay chân ngực bụng đều là đức tướng mừng vui”.

Trong Du-già bốn mươi chín chép: “Đó là hai tay chân đầy đủ hai mươi ngón, cho đến đốt, móng thấy đều rất đẹp tức là hai mươi vẻ đẹp; hai tay hai chân trong ngoài tám chỗ thấy đều thù thắng, tức là tám thứ, hai mắt cá, đầu gối, đùi vế, sáu chỗ rất đẹp tức là sáu thứ, hai cánh tay, khuỷu tay, cổ tay tức là sáu thứ, eo, hông cùng có một thứ, hai hạch là hai thứ, âm tàng là một loại, hai hông là hai loại, ba chỗ ngực, bụng, rốn tức là ba vẻ đẹp, hai sườn, nách, vú là sáu vẻ đẹp, bụng, ngực, cổ, xương sống đều là một vẻ đẹp. Ngoài sáu mươi vẻ đẹp từ cổ trở xuống, răng, tóc trên dưới là hai vẻ đẹp, gò má là một, hai môi là hai, khớ miệng khéo đầy đặn là một vẻ đẹp, hai má là hai, hai mắt là hai, hai mi là hai, mũi hai lỗ là hai, trán đẹp là một, hai mai hai tai là bốn vẻ đẹp, đầu tóc là một, đầu có hai mươi kết hợp với trước là tám mươi, lược làm bài tụng rằng:

*“Tay chân gồm hăm tám  
Mắt cá gối đùi khuỷu  
Cùng cổ tay mười hai  
Eo hông hạt âm tròn.  
Ngực bụng rốn có mười*

*Sườn nách vú là sáu  
 Bụng ngực cổ xương bốn  
 Sáu mươi cổ trở xuống.  
 Tóc gò má môi sáu  
 Má mắt mi mũi tám  
 Trán tóc mai tai năm  
 Đầu tóc thẳng điệu một”.*

Kinh Vô Thượng Y lại có sáu mươi tám pháp, đầy đủ thành một trăm tám mươi. Nói sáu mươi tám pháp ấy tức là như Đại thừa đã chép: “Phật có mười tám pháp Bất cộng:

1. Không có sai lầm.
2. Không có âm thanh hung bạo.
3. Không có niệm sai trái.
4. Không có tâm bất định.
5. Không có các thứ tướng.
6. Không có bất trạch xả.
7. Dục không lui sụt.
8. Tinh tấn không lui sụt.
9. Niệm không lui sụt.
10. Định không lui sụt.
12. Trí tuệ không lui sụt.
12. Thắng giải không lui sụt.
13. Tất cả thân nghiệp trí làm tiền đạo tùy theo trí mà chuyển.
14. Ngữ nghiệp trí làm tiền đạo, tùy theo trí mà chuyển.
15. Tất cả ý nghiệp trí làm tiền đạo, tùy theo trí mà chuyển.
16. Biết rõ đời quá khứ không chấp trước, không trở ngại.
17. Biết rõ đời vị lai không chấp trước, không trở ngại.
18. Biết rõ đời hiện tại không chấp trước, không trở ngại”.

Như Bốn Sư Vô Cấu Xưng kinh sơ có giải thích rõ, đồng thời như luận Câu-xá chép: “Mười lực, bốn Vô úy, đại bi, ba Niệm xứ cộng lại là mười tám pháp”. Lại có kinh nói chỉ đạt được pháp là như kinh kia nói.

Chỉ có Như lai đạt được Như ý tự tại thần thông mau chóng, là một.

Chỉ có Như lai đạt được Thần thông biến hóa không có hạn lượng là hai.

Chỉ có Như lai đạt được Thần thông vô lượng vô tận là ba.

Chỉ có Như lai đạt được tâm pháp tự tại là bốn.

Tự tại vô biên, biết hóa tha tâm thông là năm.  
 Tự tại vô ngại Thiên nhĩ thần thông là sáu.  
 Biết chủng tử của chúng sinh ở cõi Vô sắc là bảy.  
 Thông đạt Thánh chúng sau khi nhập Niết-bàn là tám.  
 Trí tuệ rõ ràng không có trả lời điều gì bất định là chín.  
 Đại Ba-la-mật khéo léo thường trả lời câu hỏi là mười.  
 Phân biệt nói pháp không có sai trái là mười một.  
 Khai hóa chúng sinh không có sai lầm trống không là mười hai.  
 Chỉ có Như lai đạt được đệ nhất đạo thủ là mười ba.  
 Chỉ có Như lai đạt được bất khả hại diệt là mười bốn.  
 Chỉ có Như lai đạt được Kim cương Tam-muội là mười lăm.  
 Như lai hiểu rõ tất cả các pháp chẳng phải sắc, chẳng phải tâm,  
 tâm bất tướng ứng là mười sáu.  
 Vô ngại giải thoát là mười bảy.  
 Ba pháp bất nhiễm là mười tám.  
 Dứt bỏ thói quen là mười chín.  
 Nhất-thiết-chủng-trí là hai mươi.  
 Chỉ có Như lai đạt được Kim cương tụ thân là hai mươi một.  
 Không hề tác ý về tất cả sự nghiệp thành tựu là hai mươi hai.  
 Tất cả các tướng và xứ tướng ứng rõ ràng thanh tịnh đầy đủ là hai  
 mươi ba.  
 Sự thọ ký riêng biệt không có bất định là hai mươi bốn.  
 Đối với tâm hơn thua Phật không hứa không được thấy Phật là hai  
 mươi lăm.  
 Chuyển Nhất thiết chủng thắng diệu pháp luân là hai mươi sáu.  
 Gánh vác chúng sinh có thể xả bỏ gánh nặng là hai mươi bảy.  
 Sau khi nhập Niết-bàn lại phát khởi tâm là hai mươi tám.  
 Chỉ có Như lai đạt được tu nhân tròn đầy không sót là hai mươi  
 chín.  
 Chỉ có Như lai đạt đến quả tròn đầy vô dư là ba mươi.  
 Chỉ có Như lai đạt được lợi ích tha sự tròn đầy vô dư là ba mươi  
 một.  
 Chỉ có Như lai đạt được biện tài vô tận là ba mươi hai.  
 Chỉ có Như lai đạt được việc nói tất cả pháp đều đúng như lý là  
 ba mươi ba”.

Giải thích rằng: Trong này tuy có ba mươi ba số, nhưng Bát-nhã  
 chỉ lấy kết quả có ba mươi hai số, bởi vì tu nhân đầy đủ chẳng phải là  
 quả đức, do đó chỉ có một trăm tám mươi pháp. Tất cả pháp hy hữu

không thể suy nghĩ bàn luận đều hiển hiện đó là kết thúc phần thứ ba. Nói là các công đức thù thắng hơn hẳn tất cả là hy hữu, siêu vượt các tình chấp biến kế gọi là không thể suy nghĩ bàn luận, nhưng theo Du-già quyển ba mươi sáu chép: “Vô thượng Bồ-đề có năm điều ít thấy:

1. Đối với các loài hữu tình chẳng có nhân duyên mà lại sinh ra thân ái.

2. Chỉ vì làm lợi ích cho các loài hữu tình nên thường ở nơi sinh tử chịu đựng vô lượng khổ đau.

3. Đối với nhiều phiền não khó điều phục của chúng sinh, khéo léo thường hiểu rõ cách điều phục.

4. Đối với nghĩa lý chân thật rất khó lãnh hội thường tùy theo đó mà ngộ nhập.

5. Đầy đủ năng lực oai thần rộng lớn, không thể suy nghĩ bàn luận”.

Những điều hy hữu không thể suy nghĩ bàn luận này đều nương theo đại trí mà được hiển hiện.

**Văn kinh:** Thí như nhờ vào hạt châu như ý mà vô lượng, vô biên các loại châu báu thủy đều được hiện bày.

**Tán rằng:** Nêu thí dụ. Theo kinh Quán Phật Tam-muội Hải: “Hạt châu Như ý là trái tim của chim cánh vàng đầu đàn, Luân vương xuất thế lấy làm châu báu, nếu không có Luân vương xuống biển, thì Hải long vương lấy làm ngọc trấn giữ biển”. Luận Đại Trí Độ chép: “Là xá-lợi của Phật vào thời mạt kiếp, biến thành hạt châu như ý để làm lợi ích chúng sinh, nhờ vào hạt châu có thể sinh ra tất cả mọi thứ cần thiết”. Đại Trí định này cũng giống như thế.

**Văn kinh:** Như vậy nương vào hạt châu báu đại Tam-muội, nương vào hạt châu báu đại trí tuệ có thể công năng phát sinh nhiều thứ vô lượng, vô biên diệu pháp của các Đức Phật.

**Tán rằng:** Pháp kết hợp có thể biết.

**Văn kinh:** Nay người thiện nam! Pháp thân, Tam-muội, trí tuệ như vậy.

**Tán rằng:** Dưới đây nói về ly hệ quả: Đầu là nêu ra, tiếp theo là giải thích, sau cùng là thành tựu. Đây là phần nêu ra. Pháp thân, Tam-muội, trí tuệ do định trí là năng chứng pháp thân sở chứng cho nên được giải thoát, tức là ba việc Niết-bàn, hoặc là thể, hoặc là nghĩa. Nhưng ở dưới nói tuy có ba số mà không có ba thể, hoặc nói theo nghĩa, hoặc pháp thân định tuệ và cùng với giải thoát chẳng phải nhất định là một hay khác, vì vậy không có ba thể, chẳng phải cho là chỉ có pháp thân.

**Văn kinh:** Vượt qua tất cả tướng, không chấp trước nơi tướng, không thể phân biệt, chẳng phải thường, chẳng phải đoạn, đó gọi là Trung đạo.

**Tán rằng:** Sau đây là giải thích. Vượt qua tất cả tướng thù thắng của tự thể cho nên lìa mười tướng, đó là sáu trần, nam, nữ, sinh, diệt. Không chấp trước nơi tướng vì vậy lìa các tình chấp, không thể phân biệt vì chẳng phải là tâm có thể nói, chẳng phải thường, chẳng phải đoạn, nên lìa hai bên. Trong này có bốn thứ:

1. Lìa bỏ các tướng.
2. Không hề chấp trước.
3. Chẳng phải cảnh tâm có thể nói.
4. Lìa hai bên.

Do bốn nghĩa ấy nên gọi là Trung đạo, cảnh phù hợp với chánh trí. Chánh trí gọi là trung đạo, cảnh của trung đạo cũng gọi là trung đạo.

**Văn kinh:** Tuy có phân biệt nhưng thể không có phân biệt, tuy có ba số mà lại không có ba thể, không tăng thêm, không giảm bớt.

**Tán rằng:** Tiếp tục giải thích về thành tựu. Tuy có phân biệt nhưng thể không có phân biệt là giải thích về vô phân biệt ở trước, tuy có Pháp thân, Tam-muội, Trí tuệ nhưng chẳng phải là phân biệt tâm duyên, chẳng phải là ngữ cảnh cho nên nói thể không có phân biệt. Tuy có ba số mà lại không có ba thể là giải thích về vượt qua tất cả các tướng, tuy có ba số Pháp thân, Tam-muội, Trí tuệ ba số mà không có thể riêng biệt rõ ràng. Không tăng thêm, không giảm bớt, là giải thích về chẳng phải thường, chẳng phải đoạn, không tăng thêm vì chẳng phải thường còn, không giảm bớt vì chẳng phải đoạn diệt.

**Văn kinh:** Giống như huyễn mộng, cũng không có sở chấp cũng không có năng chấp.

**Tán rằng:** Giải thích không chấp tướng ở trước. Tam-muội, trí tuệ không có năng chấp, pháp thân không có sở chấp. Giống như huyễn mộng là thí dụ chẳng phải mộng không thể phân biệt, ý là chọn lấy cảnh giới nhìn thấy trong mộng.

**Kinh:** Pháp thể như như là nơi giải thoát, vượt qua cảnh giới sinh tử, vượt qua bóng đêm sinh tử.

**Tán rằng:** Thành tựu Trung đạo ở trước. Pháp thể như như là pháp thân, là nơi giải thoát sinh tử, tức là giải thoát. Vượt qua cảnh giới sinh tử, thoát khỏi quả hữu lậu, là xa lìa khổ đế, vượt qua bóng đêm sinh tử là lìa xa nhân của khổ đế, dứt bỏ tập đế cho nên thật là Trung đạo.

**Văn kinh:** Tất cả chúng sinh không thể tu hành nên không thể đến

được nơi trú xứ của tất cả các Đức Phật, Bồ-tát.

**Tán rằng:** Đây tức là phần khuyến tu, nói về không tu không đạt được, trái lại hiển rõ tu thì liền đạt được; đầu là pháp, sau là dụ. Đây là pháp, nói về chúng sinh không tu không đạt được đại Niết-bàn là nơi thường an trú của các Đức Phật, Bồ-tát.

Hỏi: Ở đây nói về thứ lớp đắc quả, không chia rõ thứ lớp tu hành, do đâu mà khuyến tu?

Đáp: Quả phát khởi nhờ vào ý muốn tu tập sinh ra sau thứ lớp tu hành, cho nên nói. Vì thế ý của thí dụ sau là kết hợp nói về nhân quả.

**Văn kinh:** Nay người thiện nam! Thí như có người mong ước có được vàng nên cầu tìm khắp nơi cuối cùng tìm được quặng vàng.

**Tán rằng:** Dưới đây nói về thí dụ. Trước nói về năm quả, dụ cũng có năm. Thí như có người tức là giống như trước nhờ vào quả dị thực ở thân này, mong ước có được vàng dụ cho đạt được quả tăng thượng của sơ tâm phát khởi, khắp nơi tìm kiếm cuối cùng tìm được quặng vàng dụ cho quả đẳng lưu. Trước dụ cho tư lương vị trong tu hành địa tâm, nhờ vào giáo lực phát khởi tín tâm biết trong thân mình có Phật tánh. Hai tánh lý, sự của pháp thân đều đạt được giống như quặng vàng, bị chướng ngại bao phủ như tìm được quặng vàng.

**Văn kinh:** Đã tìm được quặng rồi tức thì đập nát để chọn lấy vàng ròng.

**Tán rằng:** Dụ cho gia hạnh vị trong tu hành địa tâm, tâm dần dần tu học dứt bỏ sở thủ, năng thủ, an trú trong duy thức quán, giống như chọn lấy vàng ròng.

**Văn kinh:** Nung luyện trong lò, được vàng thanh tịnh.

**Tán rằng:** Vì nung đốt kén chọn dụ cho tâm không lui sụt địa, tâm Nhất sinh bổ xứ, tâm Kim cương. Được vàng thanh tịnh dụ cho tâm Như lai địa là quả sĩ dụng.

**Văn kinh:** Tùy ý làm thành các thứ vòng xuyên, các loại trang sức, cho dù có nhiều công dụng nhưng tánh vàng không thay đổi.

**Tán rằng:** Mong muốn đạt được Niết-bàn là quả ly hệ. Đạt được thường, lạc, ngã, tịnh giống như làm thành các thứ vòng xuyên v.v..., nhưng mà không mất tánh chân như. Hoặc mong muốn Bồ-đề đều là quả sĩ dụng, các thứ vòng xuyên tức là định trí, phát sinh tất cả công đức, thường không mất định tuệ tánh, đều giống như vàng không thay đổi, toàn bộ đoạn văn trên đây giải thích về tướng mạo xem xét về hành tướng, dần dần đi sâu vào ý cầu mong xa hơn, cũng cần phải thích đáng. Nếu giải thích theo xưa thì thí dụ sau thuộc về tu hành, đầu là dụ, sau

là pháp, y theo trước đây có thể biết. Văn tu hành sau đây sẽ có thí dụ, do đó không y theo xưa.

**Văn kinh:** Lại nữa, này người thiện nam! Nếu có thiện nam, thiện nữ nào cầu thắng giải thoát, tu hành điều lành thế gian.

**Tán rằng:** Toàn bộ đoạn văn thứ ba là trả lời về nhân, trong đó có hai phần: Đầu tiên phân tích quả; tiếp theo dưới đây là thứ lớp tu chứng. Theo các văn ví dụ nên trước tiên là tu nhân sau đó mới đắc quả, ở đây theo trước nên nói về ba thân, sau sẽ nói về lần lượt đắc quả. Tuy biết thứ lớp đắc quả nhưng nếu không tu hành thì làm sao đắc quả được, cho nên nay tiếp tục nói về thứ lớp tu chứng. Còn như Du-già quyển ba mươi tám chép: “Đã nói những nơi cần học của Bồ-tát, như vậy cần phải học, nay ta sẽ nói:”. Đây là ý của phẩm Bồ-đề trước đây nói về hai đoạn hai trí. Bồ-đề tối thắng là những gì cần phải học, ý khiến cho sinh khởi mừng vui như thế cần phải học, tức là khiến cho vui mừng cầu mong phát khởi tu tập diệu hạnh. Nay ở dưới đây nói về thứ lớp tu hành, đem ý muốn hướng về quả từ bốn thứ năng lực:

1. Nhân lực.
2. Thiện hữu lực.
3. Tác ý lực.
4. Tư lương lực.

Bốn năng lực này là nhân tư lương, đã đầy đủ thì sẽ thành tựu chánh giác. Đây đều là quả. Nay trong văn này chia ra làm hai:

Đầu là pháp thuyết, sau là dụ thuyết.

Trong pháp thuyết như trước chia làm năm; đây tức là thứ nhất, trước nói về Nhân lực. Cầu được giải thoát là những học xứ Vô thượng Bồ-đề, Đại Nhập Niết-bàn vượt lên trên Nhị thừa, gọi là thắng giải thoát. Tu điều lành thế gian gọi là thiện pháp dục, là nhân gia hạnh, giấu kín chủng tánh kia nương nhờ duyên hiện hành để làm nhân lực. Theo Du-già quyển ba mươi tám: “Nương vào tám thứ thắng giải đó, tinh tín thành tựu đầy đủ thì trước chắc chắn được hỷ lạc:

1. Nương vào nơi công đức thắng giải của Tam bảo.
2. Đối với uy lực của Phật, Bồ-tát.
3. Đối với nghĩa chân thật.
4. Đối với nhân.
5. Đối với quả.
6. Đối với ứng đặc nghĩa.
7. Đối với ứng đặc phương tiện.
8. Đối với thiện ngôn, thiện ngữ, thiện thuyết mà cầu thắng giải

thoát thì chắc chắn được hỷ lạc”. Luận Duy Thức sáu chép: “Đối với thật đức có thể đi sâu vào nhẫn chịu lạc dục, tâm thanh tịnh là tánh, nhẫn tức là tín nhân, lạc dục là quả, tâm thanh tịnh tin vào thể”. Ở đây nói cầu tức là nhẫn chịu lạc dục là cội gốc lành, dục là thường xuyên nương vào nhân để tu điều lành thế gian.

**Văn kinh:** Được thấy Như lai và chúng đệ tử được gần gũi rồi.

Tán rằng: Thiện hữu lực, văn chia làm bốn:

1. Được gần gũi.
2. Thỉnh cầu thắng pháp.
3. Nghe và suy nghĩ về pháp đó.
4. Chính thức giải thích.

Đây là mở đầu. Trong đây lẽ ra nói là tướng của bạn lành, bạn lành tác nghiệp, gần gũi bạn lành. Trước hết có hai như Du-già quyển bốn mươi bốn giải thích rộng. Gần gũi bạn lành, trong luận ấy chép: “Do bốn thứ tướng mới được gần gũi bạn lành trọn vẹn:

1. Đối với bạn lành bị bệnh hay không bị bệnh, lúc nào cũng cung phụng hầu hạ, thường xuyên phát khởi sự thương yêu kính trọng, hoàn toàn tin tưởng.

2. Đối với bạn lành lúc nào cũng cung kính thăm hỏi lễ bái hầu hạ đón tiếp chấp tay, ân cần tu nghiệp, hòa thuận cung kính, nên vì đó cúng dường.

3. Đối với bạn lành thường xuyên cúng dường y phục, thức ăn, đồ nằm, thuốc men chữa bệnh, cùng mọi vật dụng tùy thân đúng như pháp.

4. Đối với bạn lành nếu là chính thức y chỉ, đối với nghĩa lý chánh pháp hoặc phù hợp, hoặc xa lìa, tùy theo chuyển đổi tự tại, không có nghiêng động, như thật biểu hiện thực hành tâm phụng thờ cung kính, thường xuyên đi đến cung kính, phụng sự thưa hỏi nghe nhận.

**Văn kinh:** Bạch với Phật rằng: “Bạch Thế tôn! Điều gì là lành, điều gì là không lành, điều gì là chánh tu, được hạnh thanh tịnh.

**Tán rằng:** Thỉnh cầu thắng pháp. Trong Du-già quyển ba mươi tám chép: “Các vị Bồ-tát đó vào lúc cầu thỉnh chánh pháp nên cầu những gì, vì sao nói mà cầu, cố ý cầu nghĩa nào?”. Đầu tiên hỏi là cầu pháp nào, tiếp theo hỏi cầu nghi quỹ, sau đó hỏi cầu pháp làm gì. Cầu những gì là nên cầu năm minh. Cầu pháp quỹ nghi, nghĩa là các vị Bồ-tát đối với việc khéo nói pháp nên an trú hết sức mạnh mẽ và trân trọng cầu nghe chánh pháp, vì muốn lắng nghe khéo nói pháp, giả sử đường đi trải qua lửa dữ hừng hực đốt cháy mặt đất, không còn cách nào có



thể lắng nghe được khéo nói pháp này, lập tức phát khởi tâm mạnh mẽ trân trọng vui mừng mà đi vào, hướng là muốn nghe nhiều nghĩa lý nói về pháp lành, vượt quá tự thân và mọi tiền của, vật dụng yêu quý vốn có gấp trăm ngàn muôn lần. Đối với khéo nói pháp thường ưa thích lắng nghe không hề có sự mệt mỏi cũng không hề thỏa mãn, tinh tấn sâu dày, tánh tình hòa nhã, tâm thẳng thắn, thấy thẳng thắn, yêu kính đức độ, cho nên yêu kính pháp. Hướng về Pháp sư tâm không hề hỏi vặn hóc búa, có tâm kính trọng, không có tâm kiêu mạn, một bề vì cầu pháp lành, không phải biểu hiện đức độ của mình mà vì muốn an lập gốc lành cho mình và người, không vì nhân duyên lợi dưỡng cung kính, tâm không hề tạp nhiễm, lia bỏ cao ngạo, lia bỏ khinh mạn, lia bỏ yếu hèn, kịp thời mà nghe, thiết tha trân trọng mà nghe, cung kính mà nghe, không vì tổn hại, không vì thuận theo, không tìm lỗi lầm, tâm cầu lãnh ngộ, tâm chuyên nhất hướng về, nghe rồi nhớ mãi giữ lấy những gì cần thiết. Lắng nghe chánh pháp, đối với pháp đã nghe thực hiện bốn thứ tướng:

1. Nghĩ là như vật quý báu tuyệt diệu, vì khó có được.
2. Nghĩ là như thuốc tốt quý hiếm vì có nghĩa trừ bệnh.
3. Nghĩ rằng như tài vật vì có nghĩa không phân tán.
4. Nghĩ rằng như Niết-bàn vì có nghĩa diệt khổ.

Bởi vì pháp là nhân của tướng tốt trang nghiêm, do đó khởi lên ý tưởng quý báu tuyệt diệu, bởi vì pháp là nhân dứt trừ phiền não, do đó khởi lên ý tưởng thuốc tốt quý hiếm, bởi vì pháp là nhân của thần thông do đó khởi ý tưởng giống như tài vật, vì pháp là nhân chân chánh vô tận do đó khởi ý tưởng Niết-bàn.

Tiếp theo nói về ý cầu nghe pháp. Lúc cầu nội minh là chân chính tu hành pháp, thực hành theo pháp, là mở bày rộng rãi, lợi ích giác ngộ đối với người khác. Lúc cầu nhân minh là muốn hiểu rõ như thật ngoài đạo tạo ra nhân luận tà ác ngôn thuyết, là muốn hàng phục các luận thuyết khác, đối với giáo lý chân thật người chưa hoàn toàn tin tưởng khiến cho họ tin tưởng hoàn toàn, người đã thật sự tin tưởng lại khiến cho họ càng tin tưởng hơn. Lúc cầu thanh minh là khiến cho chúng sinh tin tưởng ưa thích vào lời nói chuẩn mực, đối với thân Bồ-tát sinh tâm cung kính tin tưởng sâu sắc, là muốn hiểu rõ ngôn từ âm tiết của người xưa chỉ dạy. Lúc cầu y minh là chấm dứt các thứ bệnh tật của chúng sinh, là muốn làm lợi ích cho tất cả mọi người. Lúc cầu công xảo minh là dụng ít công sức mà chữa nhóm nhiều tài vật quý báu, là muốn lợi ích cho các loài chúng sinh, là phát khởi ý tưởng chúng sinh thật hiếm

lạ, là dùng trí khéo léo bình đẳng phân bố lợi ích nhiếp thọ vô lượng chúng sinh. Vì sao mà nói, vì nghĩa gì nói? Hợp với những điều nên cầu thì nói những điều như vậy, vì cầu nghĩa này nên nói nghĩa này. Đây là ý vì cầu lợi ích tự tha, lại muốn cho chúng sinh thực hành lợi ích tự tha, do đó mà nói. Nay nói thế nào là lành và không lành, đó là hỏi về pháp sở cầu; điều gì là chánh tu tức là hỏi về nghi thức phép tắc nghe pháp, lại hỏi điều gì đạt được hạnh thanh tịnh tức là cầu những gì.

**Văn kinh:** Các Đức Phật, Như lai và chúng đệ tử lúc thấy người kia hỏi liền suy nghĩ như vậy.

**Tán rằng:** Bạn lành suy nghĩ.

**Văn kinh:** Thiện nam, thiện nữ này muốn cầu thanh tịnh, muốn nghe chánh pháp liền nói cho họ nghe khiến người kia khai ngộ.

**Tán rằng:** Sẽ giải thích cho nghe, tức là bạn lành tác nghiệp. Chưa hiểu giúp cho hiểu rõ, đã hiểu thì giúp cho biết nhiều hơn là khai.

**Văn kinh:** Người kia đã nghe rồi chánh niệm nghĩ nhớ giữ gìn.

**Tán rằng:** Thứ ba là tác ý lực. Phát khởi ý nghĩ như lý nên chánh niệm gìn giữ không bỏ.

**Văn kinh:** Phát tâm tu hành đạt được tinh tấn lực, dứt bỏ lười nhác chướng ngại, dứt trừ tất cả tội lỗi.

**Tán rằng:** Thứ tư là tư lương lực, tức là trong ba đại kiếp tu tập muôn hạnh làm tư lương cho Bồ-đề. Đầu tiên trong năm vị gọi là tư lương, đó là tên khác được gọi chung, như các sắc xứ, bởi vì bắt đầu phát tâm cầu đạo Bồ-đề nên cùng gọi là tư lương, còn lại được gọi tên khác, vì hạnh thù thắng khác nhau. Trong tư lương lực này chia ra hai: Đầu là Địa tiên, sau là Địa thượng.

Đây là mở đầu.

Địa tiên có bốn:

1. Phát tâm tu hành.
2. Đạt được lực tăng thượng.
3. Trừ chướng.
4. Diệt tội.

Phát tâm tu hành là địa vị thập trụ, cho nên đầu tiên trong thập trụ gọi là phát tâm trụ, bởi vì bắt đầu phát tâm Vô thượng Bồ-đề. Trước đây tuy phát nhưng chưa đi vào tăng-kỳ, nay bắt đầu đi vào tăng-kỳ cho nên được gọi là Phát. Phát tâm có nhiều thứ, pháp lành dục vị chủng tánh phát tâm trong giai vị thập trụ thì hạnh thắng giải phát tâm đi vào Sơ địa gọi là chứng đắc phát tâm. Nay ở đây thắng giải phát tâm đạt được tinh tấn lực.

Nhẫn vị thứ nhất đã đạt được năm lực tín là thường xuyên nương tựa vào, chẳng phải chính thức hàng phục các hoặc. Siêng năng có thể hàng phục các hoặc, cho nên ở đây nói. Trừ lười nhác chướng ngại đó là nêu ra hạnh tinh tấn trái nhau. Y theo thực tế thì phân biệt tất cả hai chướng ở địa vị này đều hàng phục. Đây là dứt trừ khổ nhân. Diệt tất cả tội lỗi đó là quả khổ. Đến tầng thượng nhẫn và thế đệ nhất vị, tất cả quả khổ trong đường ác tám nạn đều không sinh được. Phần nhiều nói về thấy đạo, lia hai khổ này là nói theo đoạn chướng. Nơi đây y theo phục vị và quyết định đắc. Trong luận Thành Duy Thức chép: “Tuy thấy đạo phát sinh cũng dứt trừ các thứ nghiệp quả của đường ác. Nhưng nay lại nói có thể sinh khởi phiền não, vì đó là cội gốc”. Lại chép: “Hai khổ trong đường ác tạp nhiễm ngu muội tức là các nghiệp quả của đường ác”.

**Văn kinh:** Đối với các học xứ phải hết lòng tôn trọng, dứt trừ tâm trạo hối, bước lên Sơ Địa.

**Tán rằng:** Nói về bước lên Địa thượng. Thập địa là mười, văn mỗi địa đều có hai: Đầu tiên là trừ chướng, sau đó đạt được Địa. Do nơi Sơ Địa đạt được bốn chứng tịnh, đối với học xứ hết lòng tôn trọng, học xứ tức là giới, hoặc tất cả những điều cần phải tu gọi là học xứ, thể không lia Tam bảo và lấy tịnh giới để chứng được tịnh, lia tâm không tôn trọng, dứt bỏ hẳn phân biệt. Dứt trừ tâm Trạo hối vì nó là chướng ngại của dị sinh tánh, tuy chướng của dị sinh tánh thâm nhiếp tất cả hai chướng phân biệt nhưng do chướng của trạo hối mà định thêm lớn do đó ở đây dạy tu định, nhờ vào định phát khởi trí, kết hợp định trí này cho nên thành tựu pháp thân, vì vậy cố ý nói dứt trừ, lý thật sự thông suốt các thể còn lại. Còn sắp đoạn, đang đoạn đều được gọi là Đoạn. Địa vị sắp đoạn thêm lớn ở trước, địa vị đang đoạn thúc đẩy tâm đang đi vào Địa. Ở đây phần nhiều nương vào Sơ Địa mà nói đoạn chướng. Vì vậy trước tiên nói dứt trừ tâm trạo hối, sau đó nói đi vào Sơ Địa. Còn lại đều y theo đó mà biết.

**Văn kinh:** Nương vào tâm Sơ Địa, trừ chướng lợi ích hữu tình, đi vào Nhị Địa.

**Tán rằng:** Từ địa thứ hai, giữ giới Ba-la-mật. Trong giữ giới Ba-la-mật có ba sự khác nhau, Lợi ích cho hữu tình là thắng hạnh của Bồ-tát. Tâm Sơ Địa đã đầy đủ sắp đi vào Nhị địa nên lực tu giới tăng lên, sắp đoạn chướng đang hiện hành, cho nên có công năng phát sinh lợi ích. Nói trừ chướng của việc lợi sinh, tức là chướng tà hạnh, hàng phục chướng này rồi đi vào Nhị Địa.

**Văn kinh:** Ở trong địa này trừ chướng không ép ngặt, đi vào Tam địa.

**Tán rằng:** Tức là chướng ám độn. Trong luận Duy Thức v.v... chép, ngăn che tất cả văn tư thắng tuệ gọi là ám độn. Ở đây nói ngăn che nhãn gọi là ép ngặt, hoặc nơi khác nói ngăn che vốn là ngu si cho nên gọi là ám độn chướng. Nếu y theo ngọn ngành của nó tức là các thứ tức giận v.v... gọi là ép ngặt chướng. Hoặc do ba nhãn, bởi vì tham lam, thích thú các thứ vốn có không thể nhẫn chịu được khổ, tức là tham lam ép ngặt não loạn, thấy người khác oán hại nhưng không thể nhẫn chịu, tức là tức giận ép ngặt não loạn, nghe hai đế không thể nào hiểu biết nhẫn chịu, tức là ngu si ép ngặt não loạn. Lúc đi vào địa thứ ba đạt được ba nhãn này, cho nên dứt trừ được chướng ép ngặt.

**Văn kinh:** Ở trong địa này, dứt trừ chướng tâm nhuyến tịnh, đi vào Tứ Địa.

**Tán rằng:** Tâm tịnh gọi là Bồ-đề phần pháp, nhuyến nghĩa là chướng phiền não nhỏ nhiệm hiện hành, tức phiền não nhỏ nhiệm chính là chướng của thanh tịnh này, hoặc phiền não này nương vào tâm vương cho nên thuận theo chủ, làm tên, gọi là tâm nhuyến tịnh chướng.

**Văn kinh:** Ở trong địa này, dứt trừ chướng thiện phương tiện, đi vào Ngũ địa.

**Tán rằng:** Địa này tu tập đạo vô khác nhau, tức là trí Vô khác nhau, sẽ chứng như vô khác nhau, cho nên đạt được chân tục không khác nhau. Sinh tử, Niết-bàn không khác nhau do đó dùng trí hậu đắc tu đại bi. Bát-nhã không trụ ở sinh tử, Niết-bàn gọi là phương tiện. Thể căn bản của Niết-bàn và phương tiện tức là trí vô phân biệt, khởi dụng tức là bi trí. Thường chướng ngại phương tiện này tức là chướng Nhập Niết-bàn của hạ thừa. Niết-bàn chẳng phải là chướng, chán ghét sinh tử, ưa thích Niết-bàn, tâm ấy mới là chướng, chướng ngại phương tiện này. Ở đây dứt trừ chướng này được đi vào Địa thứ năm.

**Văn kinh:** Ở trong địa này, dứt trừ chướng thấy có chân tục, đi vào Lục địa.

**Tán rằng:** Nói về chân tục như thông thường đã phân biệt rõ, đều có bốn thứ. Trong các luận nói theo tướng chung, vả lại nói Ngũ địa thực hành quán sát bốn đế, nhưng có thể kết hợp hai đế chân tục mà quán sát, trừ chướng chân tục trái nhau. Nếu không như vậy thì không thể kết hợp quán sát chân tục, bởi vì thực hành quán sát bốn đế, nhưng chưa thể nào trừ hai tướng nhiễm tịnh, vì tướng nhiễm tịnh nương theo chân tục mà sinh. Nay theo căn bản gọi là chướng chân tục, y theo thực tế tức

là chướng tướng thô hiện hành. Tướng nhiễm tịnh này hưởng về tướng sinh diệt, nhiễm tịnh là thô, do tướng thô này chấp vào sở tri chướng hiện hành mà phát khởi nên gọi là chướng thô tướng hiện hành. Địa thứ năm sắp trừ, đi vào Địa thứ sáu đang trừ, hoặc dựa vào phương tiện, đi vào địa thứ năm trừ chướng chân tục trái nhau, cho nên có thể kết hợp quán cả hai, đi vào Địa thứ sáu, lần lượt phỏng theo nhau, vì thế ở đây nói là phân biệt.

**Văn kinh:** Ở trong địa này, trừ chướng thấy có hành tướng, đi vào Thất địa.

**Tán rằng:** Chướng thấy có hành tướng tức là chướng tế tướng hiện hành, chấp vào tướng sinh diệt, từ trong Địa thứ sáu thực hành quán duyên sinh, tuy trừ tướng nhiễm tịnh nhưng thấy có tướng sinh diệt, chướng đạo vô tướng, không thấy sinh diệt, đạo chướng diệu vô tướng, không thấy sinh diệt. Nay thấy có hành tướng này đang hiện diện tức là chướng. Đi vào Địa thứ bảy mới dứt, hoặc trong Địa thứ sáu thực hành quán duyên sinh, thấy sinh tử lưu chuyển mà không thấy có hữu vi, vô vi. Nay trong Địa thứ bảy dứt hai chướng ấy nên thường có thể thực hành quán vô tướng. Vì vậy trong luận Duy Thức chép: “Chấp có sinh là hãy còn giữ lấy tướng lưu chuyển tế sinh, chấp có diệt là hãy còn giữ lấy tướng hoàn diệt tế diệt”. Các kinh như Bát-nhã Tâm Kinh cũng chép: “Không có vô minh cũng không có hết vô minh”. Hết tức là diệt, diệt tức là vô vi, không thấy tướng diệt tức là đạo diệu vô tướng. Đưa ra không thấy diệt, ẩn chứa không thấy sinh, gọi là chướng tế tướng hiện hành. So sánh tướng thô ở trước, đây gọi là chướng tế kiến hành tướng, tức là nói theo Sở chấp. Hành tướng tức là hành tướng sinh diệt, là chướng của việc thấy có hành tướng.

**Văn kinh:** Ở trong Địa này, trừ chướng tướng không thấy có diệt, đi vào Bát địa.

**Tán rằng:** Diệt tướng tức là vô tướng. Bởi vì trong Địa thứ bảy phần nhiều chọn lấy tướng diệt, hoàn toàn trong vô tướng tác ý chịu khó tìm cầu, không thể ở trong cái không nhậm vận, khởi hạnh thù thắng, chướng ngại vô công dụng, diệu quán vô tướng. Không thấy tướng diệt đó là quán vô tướng. Đi vào Địa thứ tám chẳng những không thấy tướng diệt, mà hai tướng Tướng, Độ cũng không thấy, cho nên đối với hai tướng này cũng được tự tại. Do đó trong Địa thứ tám dứt hai thứ ngu muội:

1. Đối với vô tướng phát khởi công dụng ngu muội.
2. Đối với Tướng tự tại ngu muội.

Ở đây tạm thời đưa ra cái ban đầu để phỏng theo dứt trừ ở sau này.

**Văn kinh:** Ở trong địa này, trừ chướng không thấy có tướng sinh, đi vào Cửu địa.

**Tán rằng:** Không thấy có tướng sinh là đối lại với tướng diệt ở trước, lẽ ra đó là tướng sinh của các pháp, nhưng do vì đi vào Địa thứ tám thích quán vắng lặng cho nên không thấy có tướng duyên sinh là nói theo tướng chung. Song, Địa thứ tám đối với việc lợi tha vẫn còn chưa muốn thực hiện, tức là không thấy có chúng sinh, nên bỏ hạnh lợi ích chúng sinh. Trong luận Địa thứ tám chép: “Các Đức Phật khuyên nhắc bảy lần mới ra khỏi quán vô tướng, Địa thứ tám có khả năng hàng phục chướng không thấy chúng sinh này được đi vào Địa thứ chín”. Lại giải thích: “Bởi vì không thấy có chúng sinh khác ngoài mình ra, chúng sinh kia tức là Ngã, không thấy ngoài thân có chúng sinh khác, vì thế cho nên có thể thường xuyên làm lợi ích”. Nay ở Địa thứ tám ban đầu thấy ngoài thân có chúng sinh khác. Chướng ngại việc không thấy có tướng chúng sinh này, gọi là chướng không thấy có chúng sinh. Vì vậy trong luận Biện Trung Biên chép: “Vì thường lợi ích hữu tình cho nên quán tất cả đều là không”. Luận Thành Duy Thức cũng chép: “Đối với sự nghiệp lợi tha, trong Địa thứ chín không muốn thực hành là chướng, đi vào Địa thứ chín có thể hoàn toàn dứt trừ.

**Văn kinh:** Ở trong địa này trừ chướng sáu thông, đi vào Thập địa.

**Tán rằng:** Tức là đối với các pháp, bị ngăn ngại khiến chưa được tự tại. Đối với pháp tự tại tức là sáu thần thông và đại pháp trí. Do có chướng này chướng ngại pháp tự tại kia. Hơn nữa, nêu ra sáu thần thông để nói đại pháp trí viên. Lại giải thích: Đối với các học xứ lìa bỏ không tôn trọng, ngừng dứt tâm trạo hối là nhắc đến tu nhân ở đoạn văn trước. Đi vào Sơ địa nói về quả Sở đắc, tức là quả hậu hậu do ở giai vị gốc lành xa lìa sự không tôn trọng Tam bảo và chánh pháp. Trừ chướng lười nhác, diệt tất cả tội lỗi. Lại đồng thời có thể lìa bỏ chướng tự tại cho nên ngừng dứt tâm trạo hối, tức trong luận Bát-nhã của Thiên Thân chép: “Đối với sự tu hành, trong tâm chấp ta là Bồ-tát, đây tức là chướng trong tâm, trái với đạo lý bất trụ”. Bất trụ đạo tức là Sơ địa chấp rằng mình có thể tu ngược với đạo sơ địa. Trong luận Bát-nhã của Bồ-tát Vô Trước chép: “Trừ chướng hỷ động, từ cái gọi là mình có thể tu hạnh thù thắng phần nhiều sinh ra hỷ động, hỷ động tức là trạo cử, vì đây là chướng làm chướng ngại đi vào Sơ địa, do dứt trừ chướng này, đi vào

Sơ địa tức là lia các tâm không tôn trọng v.v... đều là Địa tiền, chẳng phải là vào trong Sơ địa”. Mười chương dưới đây đều tùy theo đó mà biết. Ở trong Sơ Địa thực hành ba thí, có thể lợi ích hữu tình, trừ chương trái nhau, được đi vào Nhị địa. Nhị địa giữ giới trừ chương bất nã hữu tình, đi vào Tam địa. Tam địa tu định, trừ chương tâm nhuyến tịnh, tâm tức là tâm học, trừ các chương ngại của định, lia tâm cứng cõi gọi là tâm nhuyến tịnh, được đi vào Tứ địa. Vào trong Tứ địa, Tu-bồ-đề phần quán, gọi là thiện phương tiện, trừ xong chương này được đi vào Ngũ địa. Vào trong Ngũ địa có thể khiến cho chân tục thuận theo lẫn nhau mà không trái ngược, do đó trừ chương thấy có chân tục, đi vào Lục địa. Vào trong Lục địa, thực hành duyên sinh quán, trừ chương thấy có hành tướng nhiễm tịnh của bốn đế, đi vào Thất địa. Lúc vào Thất địa thường thực hành vô tướng quán, trừ chương thấy có tướng duyên sinh sinh diệt, được vào Bát địa. Vào trong Bát địa nhậm vận quán sát lý vô tướng, trừ tướng thêm bớt, lúc tịnh pháp sinh ra chân như không tăng thêm, lúc phiền não diệt đi chân như không giảm bớt, sinh tức là thêm. Đưa ra cái không tăng thêm đó y cứ theo làm sáng tỏ cái không giảm bớt, đi vào Cửu địa. Vào trong Cửu địa lẽ ra là nói chương không muốn thực hành lợi ích hữu tình, tức là nơi mãn vị có khả năng hàng phục dứt trừ sự chướng ngại đối với sáu thần thông kia, nên nói là vào Địa thứ mười có khả năng dứt trừ chương sáu thần thông. Bởi vì chương thứ mười một là Địa vị thứ mười đã trọn vẹn nên có khả năng dứt trừ, nói Thập địa dứt trừ sở tri chướng, ẩn chứa chương thứ chín do đó không bàn đến. Đây là giải thích thuận theo văn, trước đây là giải thích thuận theo lý, bao gồm y theo kinh xưa và cách giải thích sau này là hơn hẳn. Vì sao? Vì trong kinh xưa từng địa từng địa đều nói dứt trừ xong mới có thể hội nhập, rõ ràng chẳng phải là điều phục, hoặc có thể, điều phục hết sạch gọi là dứt trừ xong. Y theo hai cách giải thích tùy ý có thể lấy bỏ.

**Văn kinh:** Ở trong địa này, trừ sở tri chướng, trừ tâm căn bản, đi vào Như lai địa.

**Tán rằng:** Sau đây nói về quả vị. Đầu tiên nói về trừ chướng đạt được Phật địa trọn vẹn, sau đó hiển rõ Phật địa vốn có ba thanh tịnh.

Đây là mở đầu.

Trừ chướng sở tri, vô gián đạo dứt trừ chủng tử nhỏ nhiệm và thói quen của hai chướng; trong Thắng Chương Bồ-đề nói là dứt trừ sở tri chướng, trừ tâm căn bản, tức là nơi nương tựa của chủng tử và thói quen. Trừ chủng tử nhiễm ô nơi thức thứ bảy, bởi vì hằng nhiễm cụ. Vô gián đạo dứt trừ điều lành hữu lậu và vô ký cùng tâm sở tương ứng nơi thức

thứ bảy gọi là tâm căn bốn. Thức thứ tám có cả hai y, sáu thức chỉ là chỗ nương của thói quen, đoạn ở đây có hai thuyết, như Duy Thức mười có nói rõ.

**Văn kinh:** Như lai địa do ba thứ thanh tịnh cho nên gọi là Cực thanh tịnh. Những gì là ba? Một là phiền não tịnh; hai là khổ tịnh; ba là tướng tịnh.

**Tán rằng:** Hiển rõ ba thanh tịnh. Trong đoạn văn chia ba phần, đó là nêu ra, Gạn hỏi, Liệt kê. Phiền não tịnh là hai chương và nghiệp, khổ tịnh tức là hai thứ tử, tướng tịnh tức là thói quen. Do ba tịnh ấy lại không còn có gì cao hơn nên gọi là Cực thanh tịnh.

**Văn kinh:** Dụ như vàng ròng nung chảy gạn lọc đã sạch rồi không còn trở lại quặng giữa.

**Tán rằng:** Hiển rõ thí dụ. Hiển rõ thí dụ có bốn dụ: Ba thí dụ đầu dụ cho pháp như như, pháp thân vốn thanh tịnh, một dụ sau dụ cho trí như như hiện hành bất đầu thanh tịnh. Pháp thân vốn thanh tịnh có ba thứ, tức là ba thanh tịnh ở trước. Ba thí dụ như sau: Hai dụ đầu cùng kết hợp một pháp, bởi vì hoặc nghiệp thuận theo hai tướng nhân quả cho nên kết hợp một pháp. Đồng thời ba thanh tịnh đó tức là ba nghĩa pháp thân, Bát-nhã, giải thoát. Pháp thân vốn thường như vàng, Bát-nhã soi chiếu như nước, giải thoát không ngăn ngại như hư không, đều nói theo nghĩa tánh đạt được nhất như. Thí dụ đầu chia làm hai: Trước là dụ cho hiện tại thanh tịnh, sau là thành tựu thanh tịnh vốn có.

Đây là mở đầu. Thí dụ như vàng ròng là dụ cho Như ở đạo tiền, nung chảy gạn lọc là dụ cho đạo trung, đã sạch sẽ rồi là dụ cho đạo hậu.

**Văn kinh:** Vì hiện rõ tánh chất của vàng vốn thanh tịnh. Thể của vàng là thanh tịnh không thể nói là không phải vàng.

**Tán rằng:** Dụ cho thành tựu thanh tịnh sẵn có. Giống như những văn này người xưa có lẽ nói rằng: “Ba thân hiện thường còn, hoặc sẽ thường còn, nung chảy gạn lọc là hiển rõ tánh vàng vốn thanh tịnh, thực hành sáu độ đối với pháp là liễu thân, trừ sạch cấu nhiễm cho nên được thể vàng thanh tịnh, không thể gọi là không phải vàng”.

**Văn kinh:** Dụ như nước đục được gạn trong, không trở lại vẫn đục.

**Tán rằng:** Chia đoạn như trước đây, nghĩa có thể theo đó mà biết.

**Văn kinh:** Vì hiển rõ tánh của nước vốn thanh tịnh cho nên không thể nói là không phải nước.



**Tán rằng:** Dụ cho thành tựu thanh tịnh sẵn có.

**Văn kinh:** Như vậy pháp thân và phiền não xen lẫn nhau, khổ tập dứt trừ rồi, không còn trở lại những thói quen khác là hiển bày Phật tánh vốn thanh tịnh cho nên không nói là vô thể.

**Tán rằng:** Kết hợp theo dụ có thể biết.

**Văn kinh:** Dụ như hư không bị che phủ bởi khói mây, sương mù, nếu xua tan đi thì cõi hư không thanh tịnh, không gọi là không có hư không.

**Tán rằng:** Hư không tương tự như nhiễm ô ở đạo tiền, nếu xua tan đi thì như đạo trung, xua tan hết rồi thì cõi hư không thanh tịnh như đạo hậu, tương tự như kinh Thắng-man nói về dụ.

**Văn kinh:** Tất cả các khổ như vậy nơi pháp thân thấy đều không còn, cho nên nói là thanh tịnh, chẳng thể nói rằng vô thể.

**Tán rằng:** Pháp kết hợp với văn có thể biết.

**Văn kinh:** Dụ như có người ở trong giấc mộng thấy thân mình trôi nổi trên dòng sông lớn.

**Tán rằng:** Trên đây là dụ cho pháp như như, đang còn ràng buộc gọi là Như lai tạng, thoát khỏi ràng buộc gọi là Pháp thân, cũng chính là hiển rõ tánh chất Niết-bàn vốn thanh tịnh, cho đến, quả hiển bày thanh tịnh gọi là sở hiển đắc. Hiển bày do trí chứng, lần lượt phân biệt rõ trí tánh, cũng có từ vô thể. Lúc ở nhân vị gọi là Bất không Như lai tạng; đến địa vị không còn cấu nhiễm là đại Bồ-đề bốn trí tâm phẩm, là sở sinh đắc, sở sinh y theo hiện hành chẳng phải là chủng tử, chủng tử mới sinh là vốn có, cho nên văn sau chép: “Đó là giác thanh tịnh chẳng nói là vô giác”, tức trong kinh Thiện Giới chép: “Tánh chủng tánh từ vô thể đến nay là pháp như vậy, đạt được sáu nơi thù thắng”. Nói đến sáu nơi là có ý nói trong sáu nơi ấy, ý xứ chứa đựng duy trì chủng tử. Tánh chủng tánh này từ vô thể vốn là pháp như vậy, để đắc được tánh này, phải nương vào sự tu hành đạt đến đại quả. Văn chia làm ba: Đầu là dụ, tiếp theo là hợp, sau cùng là kết thúc. Trong phần dụ có năm:

1. Dụ cho người có thể tu hành.
2. Dụ cho hiện ở trong vô minh.
3. Dụ cho chán sợ sinh tử.
4. Dụ cho tu hành mong mỗi thoát ra.
5. Dụ cho đạt quả biết rõ luống dối.

Trong đó có ba: Thí dụ như có người là dụ cho người có thể tu hành, ở trong giấc mộng là dụ cho hiện ở trong vô minh, vô minh đang che lấp giống như giấc mộng trong đêm, đây là nhân của sinh tử. Trong

luận Duy Thức dẫn chứng kinh chép: “Cho nên Khế kinh nói: Các loài dị sinh thường ở trong đêm dài vô minh tăm tối, mê mờ say đắm, trôi buộc lấy tâm không hề thức tỉnh”. Thấy thân của mình trôi nổi trên dòng sông lớn dụ cho chán sợ sinh tử, thấy quả khổ đó như trôi nổi trên sông; hoặc dụ cho bốn dòng trôi sinh vào năm đường. Thấy nghĩa là tâm hiểu biết thức tỉnh sinh ra chán ngán sợ hãi.

**Văn kinh:** Vận động tay chân, ngăn chặn dòng chảy mà vượt qua đến bờ bên kia.

**Tán rằng:** Dụ cho tu hành mong muốn thoát ra. Cử động tay dụ cho tu tập diệu hạnh, chuyển động chân dụ cho xả bỏ ba chướng, sinh tử không tiếp nối dụ cho ngăn chặn dòng chảy. Địa vị Kim cương trọn vẹn nói là vượt qua, trong vô gián đạo Bồ-đề ở vị lai, nhân trọn vẹn có thể đến gọi là đến được bờ bên kia.

**Văn kinh:** Bởi vì thân tâm người đó không lười nhác lui sụt cho nên từ mộng tỉnh giấc đã không còn thấy có nước, bờ kia bờ này khác nhau.

**Tán rằng:** Dụ cho đạt quả biết rõ lưỡng đối. Do nghĩa là nguyên nhân. Do ba đại kiếp tu tập ba nghiệp. Đưa ra hai hình ảnh thân tâm cũng biểu hiện cho cả ngũ nghiệp, thường xuyên thực hành không lười nhác cho đến lúc thành Phật. Cho nên đó là quyết định. Sở dĩ quyết định là do tinh tấn, không lười nhác, lui sụt. Từ mộng tỉnh giấc rồi, đối với đạo giải thoát, không còn thấy bờ này của dòng sinh tử, không còn thấy bờ kia của quả Niết-bàn, bởi vì như như, trí như như không còn là hai tướng, đều hoàn toàn bình đẳng. Bờ kia có năm thứ:

1. Cảnh.
2. Giáo.
3. Lý.
4. Hạnh.
5. Quả.

Đạt đến cùng tận năm thứ này gọi là đến bờ kia.

**Văn kinh:** Chẳng nói là vô tâm, sinh tử vọng tưởng đã dứt sạch không còn, đó là giác thanh tịnh, chẳng nói là vô giác.

**Tán rằng:** Pháp hợp. Chỉ hợp với đại ý, chẳng phải đoạn biệt hiệp. Chẳng phải là vô tâm, nhưng bởi vì vọng tưởng vô minh lớp lớp che chắn chướng ngại không thể nào làm cho sinh sôi được. Luận Thành Duy Thức năm dẫn lời kinh chép: “Tâm chân nghĩa đang sinh, thường hay bị chướng ngại, đến lúc siêng năng tu tập ba học, vọng tưởng dứt hết đạt đến địa vị Diệu Giác, đó là Giác thanh tịnh, không thể nói rằng

xưa nay không có tự tánh giác”. Trước đây chép: “Chẳng phải không có tâm, tâm là nghĩa của chứa nhóm, có cả tên gọi của nhân quả”, sau đó chép: “Chẳng nói không có giác, giác nghĩa là giác liễu, chỉ gọi y theo quả, đều dựa theo một nghĩa”.

**Văn kinh:** Tất cả vọng tưởng như vậy trong pháp giới không phát sinh trở lại cho nên nói là thanh tịnh, chẳng phải các Đức Phật không có thật thể đó.

**Tán rằng:** Kết thúc. Pháp giới như vậy, pháp giới có cả lý sự cho nên trong luận Thật Tánh giải thích về kinh A-tỳ-đạt-ma rằng vô thỉ thời lai giới, tức là giải thích theo như lý. Nhiếp Đại Thừa và luận Thành Duy Thức nói bốn thức gọi là vô thỉ giới. Trong luận Thật Tánh dựa vào mê, ngộ theo đó mà nói. Các luận như Nhiếp Đại Thừa v.v... dựa vào lưu chuyển theo đó mà nói, tất cả đều nương vào một nghĩa cho nên pháp giới nói có cả hai loại. Nay ở đây nói về giới đã kết thành thứ tư, tức là chỉ cho hữu vi, vô lậu thứ tám. Nếu có cả kết thứ tư tức là có cả lý, sự, tất cả hữu lậu vọng tưởng không sinh khởi, bốn trí cùng khởi nói là thanh tịnh, chẳng phải là các Đức Phật vốn không có thật thể này, thể của vô lậu hướng đến hữu lậu đều gọi là thật.

**Văn kinh:** Lại nữa, này người thiện nam! Pháp giới này, hoặc chướng thanh tịnh sẽ hiện bày ứng thân, nghiệp chướng thanh tịnh sẽ hiện bày Hóa thân, trí chướng thanh tịnh sẽ hiện bày pháp thân.

**Tán rằng:** Toàn bộ đoạn văn thứ tư kết thúc nhân quả ở trước, nói rõ để biết. Lại chia làm ba: Đầu tiên là tiếp tục nói về nhân quả trước đây, khuyến khích khiến cho tin hiểu, tiếp theo từ “Này người thiện nam! Do nghĩa ấy” về sau là nhắc lại và nói rộng hơn, sau cùng từ “Cho nên các Đức Phật” trở xuống là kết thúc thành tựu thắng diệu.

Đây là mở đầu. Trong đó lại có hai: Đầu là nhắc lại nhân quả; sau là khuyến khích khiến cho tin hiểu. Trong mục đầu lại có ba: Trước hết nhắc lại môn xuất thế, tức là lìa bỏ chướng đạt được thân, tiếp đến nhắc lại môn thân tướng y khởi, sau cùng nhắc lại y nhân đắc quả. Trong phần đắc quả lại có đầu tiên là đắc quả, tiếp theo là bất dị. Đây là nhắc lại môn xuất thế: Thứ nhất nêu chung cho biết, thân tạo thành từ công đức của các pháp gọi chung là pháp thân; tiếp sau đó nói riêng về dứt chướng đắc thân, dứt các chướng và phiền não v.v... trọn vẹn được Pháp thân. Làm cho tâm không kiên quyết gọi là hoặc, thể của hoặc tức là chướng; hai quả đạt được từ phiền não căn bản và tùy phiền não là thể của phiền não chướng.

Nghiệp nghĩa là tạo tác, gọi là ba nghiệp hữu lậu, thể của nghiệp

tức là chướng. Trí là hai trí, căn bản và hậu đắc vô lậu, thể của trí chẳng phải là chướng, hãy còn sở tri chướng ngăn ngại trí không sinh khởi gọi là trí chướng, chướng của trí gọi là trí chướng. Đây là thuận theo những chướng về trí để làm tên gọi. Nếu gọi là sở tri chướng mà sở tri chẳng phải là chướng, che lấp cảnh sở tri, ngăn ngại trí không thể sinh khởi, chướng của Sở tri gọi là sở tri chướng. Do hoặc chướng thanh tịnh, trí tuệ phát sinh là Ứng thân, do nghiệp chướng thanh tịnh, thần thông tự tại, đạt được Hóa thân, do sở tri chướng thanh tịnh, lý che lấp được hiển lộ nên hiện bày Pháp thân.

**Văn kinh:** Thí dụ như nhờ vào hư không phát ra điện, nhờ vào điện phát ra ánh sáng; như thế nương vào Pháp thân nên có thể hiện bày Ứng thân, nương vào Ứng thân cho nên có thể hiện bày hóa thân.

**Tán rằng:** Đây là nhắc lại y môn khởi thân: Đầu là Dụ, sau là pháp. Thể của hư không rộng khắp, thường hằng và tánh hư không vốn thanh tịnh, nên dụ cho pháp thân, Ứng Hóa không thường vì thế dụ cho điện và ánh sáng, nương vào đó mà khởi có thể biết.

**Văn kinh:** Do tánh thanh tịnh cho nên hiện bày Pháp thân, trí tuệ thanh tịnh hiện bày Ứng thân, Tam-muội thanh tịnh hiện bày hóa thân.

**Tán rằng:** Nhắc lại môn y nhân đắc quả. Đây là đắc quả.

**Văn kinh:** Ba thanh tịnh này là pháp như như, Bất dị như như, nhất vị như như, giải thoát như như, rốt ráo như như.

**Tán rằng:** Nhắc lại môn đắc quả trong đó tuy có ba số nhưng không có ba thể. Đầu tiên thâm nhiếp dụng quy về tánh, tiếp đó kết thúc bất dị.

Đây là mở đầu. Ba thanh tịnh này không lìa như như, cho nên đó là pháp như như. Thể của như như không phân biệt là bất dị như như. Cùng là vô lậu cho nên là nhất vị như như. Lìa khỏi ràng buộc cho nên là giải thoát như như. Chứng đầy đủ thực tế cho nên là rốt ráo như như.

**Văn kinh:** Vì thế cho nên thể của các Đức Phật không có khác nhau.

**Tán rằng:** Kết thúc chẳng phải khác. Do năm như như trước đây cho nên thể của các Đức Phật không khác nhau. Ý biểu hiện là giống như. Tu thì đều đạt được vì vậy nói thể của các Đức Phật không khác nhau.

**Văn kinh:** Nay người thiện nam! Nếu có thiện nam, thiện nữ nào nói rằng Như lai là bậc Đại sư của tôi, nếu người thực hành tin tưởng chắc chắn như vậy thì người này liền tùy theo thâm tâm hiểu rõ thân của Như lai không có phân biệt khác nhau.

**Tán rằng:** Khuyến khích khiến cho tin hiểu. Ý khiến cho tin hiểu là phương tiện tu tập. Nói này người thiện nam là gọi Bồ-tát Hư Không Tạng. Từ “Nếu có v.v...” trở xuống là tất cả nam nữ chỉ có thể nói rằng Phật là bậc thầy của tôi, đó là người tin tưởng chắc chắn, người này liền có thể hiểu rõ sâu sắc Như lai không có phân biệt. Hoặc nói: Như lai là bậc Đại sư của tôi, có thể tin tưởng chắc chắn tùy theo những gì đã nói, thâm tâm hiểu rõ. Hoặc khuyên nhắc hàng Địa Tiên, nên tin tưởng chắc chắn rằng Như lai không có khác nhau, hàng Bồ-tát Địa thượng thâm tâm hiểu rõ Như lai không có khác.

**Văn kinh:** Này người thiện nam! Bởi vì nghĩa này cho nên đối với các cảnh giới không thể thích hợp suy nghĩ, thấy đều dứt trừ, tức là biết rằng pháp đó không có hai tướng, cũng không phân biệt là sự tu hành của hàng Thánh.

**Tán rằng:** Dưới đây là nhắc lại và nói rộng hơn, có hai:

1. Nói rộng về nhân quả không khác trước đây.
2. Từ “Thấy biết như vậy v.v...” trở xuống là nói rộng về sự tin hiểu trước đây.

Ngay trong phần một chia làm năm:

1. Đối với cảnh phát khởi thắng hạnh.
2. Như như đối với cảnh đó không thể dứt trừ chướng ngại.
3. Tất cả như như về sau được đầy đủ nhân.
4. Pháp giới như như về sau được trọn vẹn quả.
5. Tất cả các chương về sau là kết thúc không khác.

Đây chính là mở đầu. Bởi do nghĩa này là lời nêu ra, cảnh biết được từ nơi các cảnh giới, do cảnh giới này không chân chánh suy nghĩ cho nên thấy tướng khác nhau, vì vậy không thể tu hành. Có thể chân chánh suy nghĩ tức là biết không có hai cảnh, không có phân biệt tà vạy. Trí không có hai tướng thì có thể khởi tu, đó là sự tu hành của hàng Thánh.

**Văn kinh:** Như như đối với cảnh không có hai tướng, chân chánh tu hành cho nên tất cả các chương như thế như thế thấy đều dứt trừ.

**Tán rằng:** Có thể dứt trừ chướng, có thể đối với các cảnh giới kia thấy không có hai tướng, cho nên nói là như như đối với cảnh đó, dứt trừ nhiều chướng, lại nói là như thế như thế, phát khởi nối nhau cho nên lại nhắc đến như trước.

**Văn kinh:** Tất cả chương Như như đã dứt bỏ, pháp như như, trí như như như thế như thế đạt được vô cùng thanh tịnh.

**Tán rằng:** Đạt được nhân đầy đủ ở địa vị Kim cương định vô gián

đạo. Nhắc lại dứt bỏ mười chương nói là tất cả chương như như đoạn diệt; chứng được như như và trí, đạt đến địa vị Thập địa khác nhau, lại nói là như thế như thế.

**Văn kinh:** Như như Pháp giới, chánh trí thanh tịnh, như thế như thế, tất cả tự tại đầy đủ nhiếp thọ đều được thành tựu.

**Tán rằng:** Đạt được quả trọn vẹn ở giai vị giải thoát đạo. Tất cả tự tại tức là ba thân, bởi vì tất cả công đức không lìa ba thân nên nói là đầy đủ nhiếp thọ đều được thành tựu.

**Văn kinh:** Tất cả các chương thấy đều dứt bỏ, tất cả các chương đã được thanh tịnh cho nên đó gọi là tướng chân thật của chân như chánh trí.

**Tán rằng:** Kết thúc không có khác nhau. Bởi vì tất cả các chương đã dứt bỏ nên được thanh tịnh, tất cả các chương do đó chứng đến như như thanh tịnh. Chính sự thanh tịnh này mới gọi là tướng chân thật của chân như chánh trí. Tướng chân thật tức là không có hai tướng.

**Văn kinh:** Sự thấy biết như thế, gọi là sự thấy biết của bậc Thánh, đó mới gọi là thấy Phật. Vì sao? Vì như thật thấy pháp chân như.

Tán rằng: Mở rộng sự tin hiểu trước đây. Văn chia làm ba phần:

1. Khiến cho như thật chứng biết.

2. Từ “Cho nên các Đức Phật v.v...” trở xuống là nói về đồng với các Đức Phật.

3. Từ “Nhưng các Như lai v.v...” trở xuống là kết thúc thành tựu sự thấy biết chân thật.

Đây là mở đầu. Trước hết khiến cho chứng biết như thật, tiếp đó nêu hỏi nguyên nhân, sau cùng chính thức giải thích. Thánh là chân chánh, kiến là hiểu rõ. Có thể như sự chứng đắc mà biết rõ điều ấy tức là hiểu đúng. Hoặc vì phạm phu có thể tin hiểu đúng như sự chứng đắc, đồng với kiến giải chứng đắc của bậc Thánh, cho nên chân thật thấy Phật. Nêu câu hỏi và giải thích có thể biết.

**Văn kinh:** Thế nên tất cả các Đức Phật đều có thể thấy tất cả Như lai ở khắp nơi.

**Tán rằng:** Nói về đồng với các Đức Phật. Văn chia làm ba: Đầu tiên là Phật có thể biết tất cả; tiếp đó là hàng Nhị thừa không hiểu rõ; sau cùng là phạm phu không thể lường được. Đây là mở đầu. Bởi vì thấy lý như như trọn vẹn không hai, cho nên thấy tất cả các Đức Phật Như lai.

**Văn kinh:** Vì sao Thanh văn, Độc giác đã ra khỏi ba cõi cầu cảnh giới chân thật lại không thể thấy biết?.

**Tán rằng:** Hàng Nhị thừa không hiểu rõ. Đầu tiên nêu câu hỏi; sau đó giải thích. Vì sao? Vì chỉ có Phật biết rõ tất cả, hàng Thánh giả định tánh Nhị thừa tuy ra khỏi ba cõi nhưng không có chủng trí, giả sử cầu cảnh giới chân thật nhưng không thể dùng sự thấy biết của bốn trí, không thể dùng sự thấy biết của hậu đắc; hoặc không thể nào biết được hiện lượng, không thể thấy được tỷ lượng.

**Văn kinh:** Bạc Thánh như vậy không thể thấy biết, tất cả phàm phu đều sinh ra nghi ngờ, điên đảo phân biệt, không thể nào được độ thoát.

**Tán rằng:** Phàm phu không thể lường được. Đầu tiên là pháp, tiếp đó là Dự, sau cùng là Hợp. Đây là Pháp. Phàm phu ngu muội tối tăm không thể suy lường được, hoặc trở lại nghi ngờ là chẳng có, hoặc điên đảo chấp chặt, nên cho rằng đây là ta.

**Văn kinh:** Như con thỏ bơi giữa biển chắc chắn không thể vượt qua. Vì sao? Vì sức lực yếu kém.

**Tán rằng:** Thí dụ. Đầu tiên nêu ra, tiếp theo gạn hỏi, cuối cùng giải thích. Bởi vì không có đại tánh chỉ có hữu lậu, nên trí lực yếu kém, nên không thể độ thoát. Kinh Giải Thâm Mật chép: “Ta không thể bày giảng nói đối với phàm phu ngu muội, sợ bọn họ phân biệt chấp là ngã”. Các vị như Bồ-tát Hộ Pháp giải thích: Phàm phu nghĩa là không có tánh, ngu nghĩa là hướng đến vắng vẻ”. Còn ở đây hoặc dựa vào nơi hàng phàm phu Nhị thừa, căn chưa thuần thực không thể nào hiểu rõ được, căn thành thực thì có thể biết. Hoặc như trong kinh Pháp Hoa chép: “Ba thừa không biết, dựa vào cái biết không toàn vẹn, chỉ có Phật mới biết hoàn toàn, nói người kia không biết, ông mong muốn thành tựu có thể nương theo lời mà hiểu thật là hiếm có”.

**Văn kinh:** Hạng phàm phu cũng giống như thế, vì không thể thông suốt được pháp như như.

**Tán rằng:** Pháp hợp. Không có trí căn bản cho nên không thể thông, không có trí hậu đắc cho nên không thể đạt.

**Văn kinh:** Nhưng các Đức Phật Như lai không có tâm phân biệt, đối với tất cả pháp được tự tại hoàn toàn, đầy đủ thanh tịnh, trí tuệ sâu sắc, cho nên đó là cảnh giới tự chứng, không cùng như người khác.

**Tán rằng:** Kết thúc thành tựu cái thấy chân thật. Bởi vì Phật không còn phân biệt, không thấy hai tướng nên chứng được pháp như như, đạt đến tướng không chân thật của pháp cho nên đối với tất cả các pháp được tự tại hoàn toàn, đạt được trí như như cho nên đầy đủ trí tuệ thanh tịnh sâu sắc. Do đó đây chỉ là cảnh giới Phật, không giống như cảnh giới

của người khác. Kinh Kim cương Bát-nhã chép: “Như lai nói Bát-nhã ba-la-mật-đa tức chẳng phải Bát-nhã ba-la-mật-đa, đó mới là Bát-nhã ba-la-mật-đa”. Bồ-tát Thiên Thân giải thích rằng: Nói Ba-la-mật là chỉ riêng bờ bên kia của Phật, chẳng phải Ba-la-mật là chẳng phải bờ bên kia của những người khác; gọi là Ba-la-mật là cuối cùng đây là bờ bên kia của Phật”. Ở đây cũng giống như vậy.

**Văn kinh:** Thế nên các Đức Phật Như lai trong vô lượng, vô biên A-tăng-kỳ kiếp không hề tiếc nuôi thân mạng, chịu khó thực hành những hạnh khó làm mới đạt được thân tối thượng không ai sánh bằng không thể suy nghĩ bàn luận này, vượt quá cảnh giới nói năng, đó là thân nhiệm mầu vắng lặng là các sự sợ hãi.

**Tán rằng:** Kết thúc thành tựu thắng diệu. Từ “Trong vô lượng v.v... hành khổ hạnh” là nhân thực hành; không tiếc thân mạng, do bốn nhân duyên:

1. Vì cầu pháp, như Đồng tử Tuyết Sơn.
2. Vì báo ân, như vương tử Pháp Hộ v.v...
3. Vì cứu nghèo, như Kim Sắc Sư Tử v.v...
4. Vì cứu mạng, như Vương tử Tát-đỏa v.v...

Mới đạt được thân này là hiển bày đặc quả. Tối thượng không ai sánh bằng v.v... là khen ngợi quả thù thắng. Cuối cùng cho nên không gì trên, không có gì sánh ngang, nên gọi là không gì sánh bằng. Vượt quá tình hình suy nghĩ cho nên là không thể suy nghĩ bàn luận. Hơn hẳn lời nói giảng giải cho nên vượt ngoài cảnh giới nói năng. Đại Niết-bàn bởi vì đó là nhiệm mầu vắng lặng. Dứt sinh tử cho nên là năm sự sợ hãi, đó là sợ không có công việc, sợ chết, sợ đường ác, sợ tên ác, sợ đại chúng.

**Văn kinh:** Nay người thiện nam! Như vậy thấy biết pháp chân như đó là không còn sinh, già, chết, tuổi thọ không giới hạn, không có ngủ nghỉ, cũng không có đói khát, tâm thường ở trong định không có loạn động.

**Tán rằng:** Cuối phẩm toàn bộ đoạn thứ ba kết thúc khuyến khích tu hành. Văn chia làm ba:

1. Kết thúc tin hiểu ở trước khiến nương theo thực hành.
2. “Nhưng các Như lai” trở xuống kết thúc đạt được quả khiến cầu chứng ở trước.
3. “Nếu thiện nam v.v...” trở xuống là thành tựu hai nghĩa ở trước. Trong phần một có ba: Đầu tiên nêu ra lợi ích tin hiểu, tiếp đến có tổn hại vì không tin, sau cùng nói lợi ích khuyên thực hành.



Đây là mở đầu. Chỉ có thể một niệm như thế, thấy biết pháp chân như sẽ đạt được Bồ-đề, không bao giờ còn những thứ sinh, già, chết v.v... làm nhân xa xôi, cho nên chắc chắn sẽ đạt được. Vì vậy phẩm Được Vương trong kinh Pháp Hoa chép: “Người nghe kinh này không già không chết, không bao lâu sẽ lấy đệm cỏ ngồi nơi đạo tràng”. Hoặc trước nói về đức của Như lai, đã nói xong văn sau lại nói; do đó người nói này là người tin hiểu sẽ đạt được quả. Hoặc nhiều lần nhắc lại công đức của Như lai khiến cho phát sinh tin hiểu, đạt được thân Kim cương cho nên không có sinh, già, chết. Lìa xa năm cái nên không có ngủ nghỉ, phá diệt ma quân nên không có đói khát. Văn còn lại có thể biết, tuy nhiên giải thích ở trước kết thúc tốt đẹp.

**Văn kinh:** Nếu đối với Như lai khởi tâm tranh luận thì sẽ không thể thấy được Như lai.

**Tán rằng:** Có tổn hại vì không tin. Khởi tâm tranh luận không thể tin hiểu thì trong tương lai sẽ không thấy được và chứng được ba thân của Như lai, cũng không thể nương vào giáo pháp để thấy Như lai.

**Văn kinh:** Lời các Đức Phật đã nói đều được lợi ích.

**Tán rằng:** Nói lợi ích khuyên thực hành. Đầu tiên nêu ra, sau đó giải thích. Đây là nêu ra.

**Văn kinh:** Có người lắng nghe thấy đều giải thoát, không gặp các loài cầm thú hung ác, người ác, quỷ ác, do nghe pháp nên quả báo vô tận.

**Tán rằng:** Giải thích về được lợi ích. Đầu tiên đạt được Niết-bàn; tiếp đến khởi sự tổn hại, sau đó là quả báo vô tận. Trong luận Bát-nhã chép: “Nơi Pháp là liễu nhân cũng là sinh nhân còn lại”. Nghe kinh cho nên được giải thoát là liễu nhân; quả báo vô tận đó nghĩa là đạt được Bồ-đề là sinh nhân. Luận Biện Trung Biên chép: “Hành giả thực hành pháp này được nhóm phước vô lượng”. Thù thắng cho nên vô tận, do đó lợi tha không ngừng nghỉ. Lắng nghe Đại thừa đạt được quả báo thù thắng vì vậy vượt xa Nhị thừa. Vì đại bi lợi tha không ngừng nghỉ cho nên vô tận, do đó các ác nạn đều không gặp.

**Văn kinh:** Nhưng các Đức Như lai không có việc gì không ghi nhớ, tất cả cảnh giới không có tâm muốn biết.

**Tán rằng:** Kết thúc đạt được quả khiến cầu chứng ở trước. Trong đó chia ra hai: Đầu tiên kết thúc sở đắc ý khiến cho sinh vui mừng; sau đó nói về nghe được lợi ích khuyến khích người tu học. Trong phần kết thúc, quả sở đắc có vô lượng chủng loại, chỉ kết thúc sở đắc ở trước trong mười tám pháp Bất cộng và đại Từ bi tự lợi, lợi tha để theo đó

hiển bày các công đức khác. Đầu tiên kết thúc mười tám Bất cộng, sau đó kết thúc từ bi. Trong phần đầu có năm: Một là “Không có việc gì không ghi nhớ” là thấy đều ghi nhớ rõ ràng không quên ý niệm. Ở dưới có bốn oai nghi trong đó thấy đều thuộc về trí, tức là trí làm tiền đạo. Hai là “Tất cả cảnh giới không có tâm muốn biết”, tức là ý muốn không giảm bớt; hoặc tất cả cảnh giới đều nhậm vận mà biết, không nhờ vào sự tìm cầu mới biết.

**Văn kinh:** Sinh tử, Niết-bàn không có ý tưởng khác nhau, lời Như lai đã nói thấy đều quyết định.

**Tán rằng:** Ba là không có các thứ ý tưởng. Bốn là đạt đến trí ba đời không có vướng mắc ngăn ngại. Pháp đã nói thấy đều quyết định, và Nhất thiết chủng diệu trí thường biết rõ các ẩn, các pháp môn cho nên nói là quyết định; hoặc bốn vô úy hoặc là trí ngữ nghiệp làm tiền đạo cho nên nói quyết định.

**Văn kinh:** Trong bốn oai nghi của các Đức Phật Như lai thấy đều thuộc về trí.

**Tán rằng:** Năm là trí thân nghiệp làm tiền đạo, do đó thấy đều thuộc về trí.

**Văn kinh:** Tất cả các pháp không có pháp nào không thuộc về từ bi, không có pháp nào không vì lợi ích an vui chúng sinh.

**Tán rằng:** Kết thúc đạt được công đức lợi tha, đại từ đại bi ở trước. Lợi ích bạt khổ, an lạc cho vui, đại bi cho nên cứu khổ được lợi ích, đại từ nên cho vui được an vui. Đồng thời bốn nguyện của Phật chỉ muốn lợi tha tu đại từ bi, cầu quả vô thượng cho nên thực hiện công việc hoàn toàn là công việc. Thuộc về từ bi, lại nêu ra pháp Bất cộng là tự lợi thù thắng; nêu ra từ bi là lợi tha thù thắng. Vì vậy nói chung kết thành hai phần.

**Văn kinh:** Này người thiện nam! Nếu có thiện nam, thiện nữ nào đối với kinh Kim Quang Minh này lắng nghe tin hiểu.

**Tán rằng:** Đây là nói về nghe được lợi ích khuyến khích người tu học. Văn chia làm bốn phần:

1. Nói về nghe được lợi ích.
2. Nêu ra.
3. Giải thích.
4. Thành tựu.

Trong phần đầu, đầu tiên là nghe kinh tin hiểu, tiếp đến nói về đạt được lợi ích. Lắng nghe là văn tuệ, tin tưởng tức là tư tuệ, hiểu rõ tức là tu tuệ. Hoặc đưa ra tiêu chuẩn kém nhất, chỉ nhờ vào văn tuệ có

thể tin, có thể hiểu; hoặc chỉ tin hiểu không phải là chứng ngộ hãy còn được phước ấy, hưởng gì là hạnh thù thắng.

**Văn kinh:** Không đọa vào các đường địa ngục, ngạ quỷ, bàng sinh, A-tu-la, thường sinh làm trời, người, không sinh nơi thấp kém, luôn luôn được gần gũi các Đức Phật Như lai, nghe nhận chánh pháp, thường sinh vào cõi nước thanh tịnh của các Đức Phật.

**Tán rằng:** Được lợi ích, lìa tám nạn. Đầu tiên là lìa ba đường ác tức là ba, A-tu-la nếu theo Tiểu thừa thì thuộc về loài quỷ súc, nếu theo Đại thừa thì thuộc về loài trời, tức là thuộc về biên địa. Sinh làm trời người, trước đây dịch là đường ác và biên địa. Không sinh nơi thấp kém tức là dứt bỏ các căn không đầy đủ, mù bấp sinh, điếc bấp sinh. Luôn luôn được gần gũi các Đức Phật là lìa nạn sinh trước sinh sau Phật. Lắng nghe chánh pháp là lìa nạn thế trí biện thông. Thường sinh về cõi nước các Đức Phật là lìa nạn các tầng trời Sống lâu. Theo luận Thành Thật thì bốn luận diệt hết tám nạn:

1. Ở nơi tốt lành gọi là Trung Quốc, dứt bỏ năm nạn đó là ba đường ác, trời Sống lâu, biên địa.

2. Nương theo người tốt lành gọi là gặp Phật, dứt bỏ nạn sinh trước và sinh sau thời Phật.

3. Phát nguyện chân chánh gọi là chánh kiến, dứt bỏ nạn tà kiến thế trí biện thông.

4. Gieo trồng gốc lành vốn có, dứt bỏ nạn căn không đầy đủ.

Nay nghe kinh này chỉ có thể tin hiểu đủ để từ bỏ tám nạn, bởi lẽ là oai lực thù thắng; có công năng trừ chướng ngại, cho nên không những trừ chướng ngại mà còn mau chóng đạt được Bồ-đề. Được phân tích rõ trong phần giải thích thành tựu dưới đây.

**Văn kinh:** Vì sao?

**Tán rằng:** Nêu ra. Nghe kinh mà tin hiểu thì có công năng trừ bỏ tám nạn. Vì sao?

**Văn kinh:** Vì được nghe pháp vô cùng sâu xa này.

**Tán rằng:** Giải thích. Bởi vì thọ trì pháp Đại thừa thì nhóm hợp mười công đức:

1. Thành tựu tất cả chủng tử gốc lành.
2. Lúc sắp qua đời tất cả đều vui vẻ.
3. Hễ muốn sinh về cõi nước nào thì được tùy ý.
4. Hễ sinh về chỗ nào đều được tự tánh niệm sinh trí.
5. Sinh về nơi nào thường được gặp Phật.
6. Luôn luôn ở bên Phật nghe pháp Đại thừa.

7. Thành tựu tín căn tăng thượng
8. Thành tựu tuệ căn tăng thượng
9. Được xa lìa hai chướng trí, hoặc.
10. Mau chóng thành tựu Bồ-đề vô thượng.

Vì lý do ấy cho nên xa lìa tám nạn.

**Văn kinh:** Thiện nam, thiện nữ đó đã được Như lai biết đến, nhớ đến, sẽ được không lui sụt trên đường tiến đến đối với quả vị A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề.

**Tán rằng:** Thành tựu nguyên nhân ở trước. Người có thể nghe kinh này phát sinh tin hiểu, tức là Như lai đã biết danh thân, đã thấy sắc thân. Nói đến công đức của người này chỉ có Phật mới thấy biết, người khác không thể nào thấy biết. Nói biết thì được, còn thấy thì nhờ vào đâu mà nói là thấy? Nói là thấy cũng được, cần gì phải nói là biết?

Đáp: Theo luận Bát-nhã Kinh của ngài Thiên Thân chép: “Phật chẳng phải thấy quả mà biết, do nguyện trí mà hiện thấy”. Nhưng nói biết, nghĩa là Phật thấy quả nhờ vào biết nhân cho nên nay nói là thấy. Thấy là nguyện trí, nêu lên tâm năng liễu. Nếu như vậy chỉ là thấy cần gì phải nói là biết, nghĩa là chỉ thấy sắc, nay cũng có thể biết thân bốn uẩn. Không làm ra nhưng Phật thấy biết, liền được Phật ghi nhớ. Lại nữa, sẽ đạt được Bồ-đề không lui sụt, tuy chưa đạt được liền nhưng sẽ chứng được. Tùy theo địa vị nào đó sẽ chứng đạt bốn thứ không lui sụt, đó là bốn thứ không lui sụt: Tín, Trú, Chứng, Hạnh. Tín không lui sụt là tâm thứ sáu trong Thập Tín. Trú không lui sụt là tâm thứ bảy trong Thập Trú, chứng không lui sụt là Sơ Địa, Hạnh không lui sụt là vào Bát Địa.

**Văn kinh:** Nếu thiện nam, thiện nữ nào đối với pháp sâu xa vi diệu này, được một lần nghe qua tai, thì nên biết rằng người đó không bài báng Như lai, không hủy phạm chánh pháp, không khinh chê thánh chúng.

**Tán rằng:** Tiếp tục nói rộng hơn nữa về sự thành tựu hai lợi ích thù thắng trước đây, muốn giúp cho nghe nhận tu hành kinh này. Có ba lợi ích thù thắng:

1. Không chê bai Tam Bảo.
2. Thêm lớn gốc lành.
3. Khiến cho thực hành sáu độ.

Đây là lợi ích thứ nhất. Bởi vì biết Phật thường trụ nên không bài báng Như lai, nói rằng cuối cùng cũng hoại diệt, biết nói quyết định cho nên không bài báng pháp, biết có thể đạt được thành quả cho nên không bài báng Tăng. Lại bởi vì nghe tin thường làm cho nhân kính tin không

hủy hoại, không chê bai khinh miệt Tam bảo.

**Văn kinh:** Tất cả chúng sinh chưa gieo trồng gốc lành khiến cho được gieo trồng, đã gieo trồng gốc lành thì khiến cho được thành tựu thuần thực.

**Tán rằng:** Làm cho gốc lành thêm lớn. Đây là chưa phát tâm cầu Bồ-đề khiến cho phát tâm cầu tức là khiến cho gieo trồng gốc lành. Đã phát tâm cầu khiến cho tăng thêm thắng giải hạnh vị ở tăng-kỳ thứ nhất, khiến cho lớn mạnh ở tăng-kỳ thứ hai, khiến cho thành tựu ở tăng-kỳ thứ ba. Nhưng hai loại trên chỉ nói người nghe kinh đạt được sáu Ba-la-mật khiến cho người khác thực hành. Đây là ảnh hưởng lẫn nhau, tự và tha đều như vậy.

**Văn kinh:** Tất cả chúng sinh trong tất cả thế giới đều khuyến khích tu hành sáu độ Ba-la-mật-đa.

**Tán rằng:** Sau đó có thể khiến cho thực hành sáu độ. Ý này nói về tự mình nghe và tin có thể thành tựu ba điều này. Đã lắng nghe rồi sau đó cảm hóa người khác thực hành ba việc ấy. Lại có thể tin hiểu phá bỏ bốn thứ chướng. Đầu tiên không bài báng Phật v.v... dứt trừ chướng xiển-đề, bất tín, khiến cho gieo trồng gốc lành, dứt trừ chướng ngoại đạo, chấp ngã, đều thực hành sáu độ trừ Thanh văn sợ khổ, Duyên giác bỏ tâm. Đã có nhiều lợi ích cho nên cần phải tu hành thực hành tự lợi, lợi tha.

**Văn kinh:** Lúc bấy giờ, Bồ-tát Hư Không Tạng, Phạm vương, Đế-thích, Tứ Thiên vương, các chúng trời, người liền đứng dậy khỏi chỗ ngồi, vén y bày vai phải, chấp tay cung kính đảnh lễ dưới chân Phật.

**Tán rằng:** Toàn bộ đoạn văn thứ tư của phẩm này là lãnh hội trì học. Văn chia làm bốn phần:

1. Chí thành cung kính lãnh giải.
2. “Thế tôn! Chúng con v.v...” trở xuống là phát nguyện trì học.
3. Thế tôn ngợi khen ấn chứng.
4. Khuyến khích truyền bá rộng rãi.

Trong phần đầu: Thứ nhất chí thành cung kính; tiếp đó là lãnh giải. Đây là chí thành cung kính. Đã nghe pháp thù thắng biểu hiện tiến đến Bồ-đề, do đó đứng dậy khỏi chỗ ngồi hiển bày sẽ thành Phật. Hiện rõ hình tượng tốt lành nên vén y bày vai phải, tâm phù hợp với giáo lý cho nên chấp tay, tâm tôn trọng cho nên cung kính, cung kính càng sâu xa cho nên đảnh lễ dưới chân Phật.

**Văn kinh:** Bạch với Đức Phật: Bạch Thế tôn! Nếu ở nơi đó giảng nói kinh điển vi diệu Kim Quang Minh này, thì cõi nước ấy được bốn

lợi ích.

**Tán rằng:** Lãnh giải. Có bốn:

1. Đưa ra.
2. Nêu hỏi.
3. Giải thích.
4. Kết thành.

Đây là đưa ra. Bắt đầu lãnh ngộ biết thưa hỏi Thế tôn. Gọi tôn hiệu cho nên nói là Thế tôn. Chỉ ra sự lãnh ngộ rõ ràng nên nói nếu nói kinh Kim Quang Minh này. Nêu ra số lợi ích cho nên nói có bốn lợi ích.

**Văn kinh:** Bốn lợi ích là gì?

**Tán rằng:** Nêu hỏi.

**Văn kinh:** Một là vua chúa quân lính cường thịnh, không có kẻ thù đối địch, khỏi các tật bệnh, tuổi thọ dài lâu, tốt lành yên vui, chánh pháp hưng hiển.

**Tán rằng:** Giải thích. Thuận theo bốn loại đã nêu ra tức là chia làm bốn đoạn. Đây là đoạn đầu. Lợi ích của vua chúa đại thần có bốn, theo văn trong phẩm Sám Hối: “Ở cõi nước đó được bốn lợi ích tốt lành:

1. Vua không bệnh tật, hoạn nạn, tránh được các tai ách. Tức ở đây là không bệnh tật.
2. Tuổi thọ lâu dài, không có chướng ngại, tức ở đây là sống lâu.
3. Không có các kẻ thù, quân lính mạnh mẽ, tức ở đây là quân lính cường thịnh không có kẻ thù đối địch.
4. Yên ổn vui sướng, chánh pháp truyền bá, tức ở đây là tốt lành yên vui, chánh pháp hưng thịnh”. Dựa theo văn trong phẩm Sám Hối mở ra thành tám thứ. Văn ở đây có sáu thứ, như văn có thể biết.

**Văn kinh:** Hai là các phi tần, hoàng hậu, vương tử, quan lại hòa thuận vui vẻ không tranh chấp, không nịnh hót nhà vua để được yêu quý, trọng vọng.

**Tán rằng:** Thứ hai người làm bề tôi có ba lợi ích:

1. Hòa thuận vui vẻ không tranh chấp; ở dưới nói: Lại cùng nhau thân thiết, đẹp lòng kính trọng, thương yêu nhớ nghĩ. Một là Lại cùng nhau nói năng tin tưởng tôn trọng và thương yêu nhớ nghĩ.
2. Không nịnh hót vì coi thường tài vật tôn trọng pháp luật, không cầu lợi ích thế gian cho nên không có nịnh hót, do đó danh tiếng tốt đẹp vang xa khắp nơi, mọi người đều kính mến.
3. Nhà vua yêu mến quý trọng, theo văn dưới cũng là nơi tôn

trọng kính ngưỡng của các vị Sa-môn, Bà-la-môn, nước lớn, nước nhỏ, nay nêu lên điều thù thắng ấy nên lược bỏ không nói những thứ khác. Đã được nhà vua yêu mến quý trọng, tất cả mọi người tôn trọng cung kính, cho nên cũng được tuổi thọ dài lâu, yên ổn vui sướng.

**Văn kinh:** Ba là Sa-môn, Bà-la-môn và nhân dân trong nước đều tu hành theo chánh pháp, không có bệnh tật, luôn yên vui, không có người chết oan ức, đối với các ruộng phước thầy đều xây đắp tạo dựng.

**Tán rằng:** Nhân dân trong nước có bốn lợi ích:

1. Tu hành theo chánh pháp, nghĩa là luôn luôn hiếu thảo dưỡng nuôi cha mẹ, phụng sự thầy dạy, tu hành mười điều lành, Tôn kính Tam bảo.

2. Không bị bệnh tật, không gặp bẫy nạn, bẫy nạn này trong kinh Dược Sư chép: “Nạn nước khác xâm chiếm, nạn trong nước phản nghịch, nạn mưa gió trái mùa, nạn gặp thời hạn hán, nạn nhân dân dịch bệnh, nạn các sao quái lạ, nạn mặt trời, mặt trăng che khuất”. Do vua quan, quân lính cường thịnh nên không có nạn nước ngoài xâm chiếm, bề tôi phụ giúp hòa thuận vui vẻ lại không có nịnh hót nên không có nạn trong nước phản nghịch, tốt lành vui sướng, chánh pháp hưng thịnh nên không có nạn mưa gió trái mùa v.v...

3. Không có người chết oan ức, không gặp chín thứ chết ngang trái, chín thứ chết ngang trái ấy như kinh Dược Sư chép:

1. “Gặp phải bệnh hoạn đến nỗi mất mạng ngang trái
2. Bị pháp vua giết hại tan thân ngang trái
3. Bị loài phi nhân làm hại ngang trái.
4. Bị lửa dữ thiêu đốt ngang trái
5. Bị nước mạnh cuốn chết ngang trái.
6. Bị thú dữ ăn nuốt ngang trái.
7. Bị rơi xuống vực sâu núi thẳm ngang trái.
8. Bị các thứ thuốc độc giết hại ngang trái.
9. Bị đói khát, khốn đốn ngang trái”.

Nay kinh Kim Quang Minh này truyền bá trong nước, nhân dân không bị chín thứ ngang trái nên không có cái chết oan ức. Nói đến ngang trái là không phải không có nhân đời trước mà thọ nhận quả ác. Nói theo đời này thì tuy không gây ra điều ác mà gặp phải có duyên như vậy, đó gọi là ngang trái. Nghe kinh thấy đều dứt trừ, Vua chúa lưu thông chánh pháp, bề tôi phò trợ, khinh tiền tài, trọng pháp luật, phi tần cung hậu hòa thuận vui vẻ không trở lại gièm siểm nịnh hót, mọi người tu hành theo chánh pháp cho nên dẫn đến phước ấy.

#### 4. Xây dựng, gieo trồng ruộng phước.

**Văn kinh:** Bốn là trong ba mùa đều điều hòa thích hợp, thường được chư Thiên tăng thêm sự bảo vệ, tâm từ bi bình đẳng không hề giết hại, khiến cho các chúng sinh quy kính Tam bảo đều nguyện tu tập các hạnh Bồ-đề.

**Tán rằng:** Tóm lại là được chư Thiên tăng thêm sự bảo vệ, không chỉ tăng thêm bảo vệ cho vua chúa, thần dân, mà còn thực hành bảo vệ người trì kinh. Nếu không như vậy thì vẫn dưng lẽ ra không nên nói “Chúng con cũng thường vì mở mang kinh điển cho nên theo kính người trì kinh như thế, ở các trú xứ đó thực hành lợi ích giúp họ”. Y cứ theo văn lẽ ra nên nói “Bốn là thường được chư Thiên tăng thêm sự bảo vệ, ở trong ba mùa bốn đại điều hòa thích hợp, tâm từ bi bình đẳng không hề giết hại v.v...” Theo lời văn thì sau mới nói bảo vệ, hoặc nhờ oai lực của kinh mà bốn đại điều hòa thích hợp, vì vậy chư Thiên tăng thêm sự bảo vệ chỉ thuộc về phần sau, chư Thiên lại khiến cho các loài chúng sinh cung kính Tam bảo, tu tập các hạnh Bồ-đề. Theo văn trong kinh dịch xưa “Khiến cho các chúng sinh thành tâm quy y, kính ngưỡng tam tôn”. Văn đó hơi thiếu, văn chỉ nói đến trời, trời nghĩa là các vị Bồ-tát mà tất cả Như lai tôn trọng gọi là trời, do đó là chư Thiên ở các tầng trời cõi Dục, cõi Sắc và các vị Hiền Thánh thường che chở bảo vệ.

**Văn kinh:** Đó là bốn việc lợi ích.

**Tán rằng:** Kết thúc.

**Văn kinh:** Bạch Thế tôn! Chúng con cũng thường vì mở mang kinh điển cho nên thuận theo người trì kinh như vậy, ở các trú xứ đó thực hành lợi ích giúp họ.

**Tán rằng:** Thứ hai là phát nguyện trì học. Thuận theo người này có hai ý:

1. Vì nghe kinh.
2. Để bảo vệ.

**Văn kinh:** Đức Phật nói: Lành thay! Lành thay! Nay người Thiện nam! Đúng thế! Đúng thế.

**Tán rằng:** Thứ ba Thế tôn ngợi khen ấn chứng có thể thực hành lợi ích, vì vậy khen ngợi “lành thay”; kể rõ lợi ích của kinh đó, thuận theo chánh lý cho nên liền nói “Đúng thế”.

**Văn kinh:** Các người cần phải hết lòng chịu khó truyền bá rộng rãi kinh điển vì diệu tức là giúp cho chánh pháp tồn tại lâu dài trên thế gian.

**Tán rằng:** Thứ tư khuyến khích truyền bá rộng rãi.